

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT Năm báo cáo: 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4903000263
- Vốn điều lệ: 192.500.000.000,đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 256 đường 27/4 – Phường Phước Hưng – Thành phố Bà Rịa, tỉnh BRVT
- Số điện thoại: 0643.823119
- Số fax: 0643.823120
- Website: trcbrvt.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): TNC

2. Quá trình hình thành và phát triển

→ Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày thành lập: 26/06/2006
- Thời điểm niêm yết: 27/08/2007
- Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

→ Các sự kiện khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su;
- Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng;

Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

STT	Doanh thu	2011	2012
01	DT bán mũ cao su	72,77%	68,85%
02	Doanh thu TAGS	13,36%	11,73%
03	DT KD điều nhân và gia công	9,55%	12,42%
04	DT SX SP gỗ	3,45%	6,16%
05	DT KD khác	0,87%	0,85%

4. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

– Mô hình quản trị.

→ Cơ quan quyền lực cao nhất trong công ty là Đại Hội Đồng Cổ Đông

+ Hội đồng quản trị gồm : 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Phó Chủ Tịch HĐQT và 03 Ủy viên trong đó có 02 Ủy viên là thành viên độc lập không điều hành đồng thời là cổ đông chiến lược ; là cơ quan triển khai và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ;

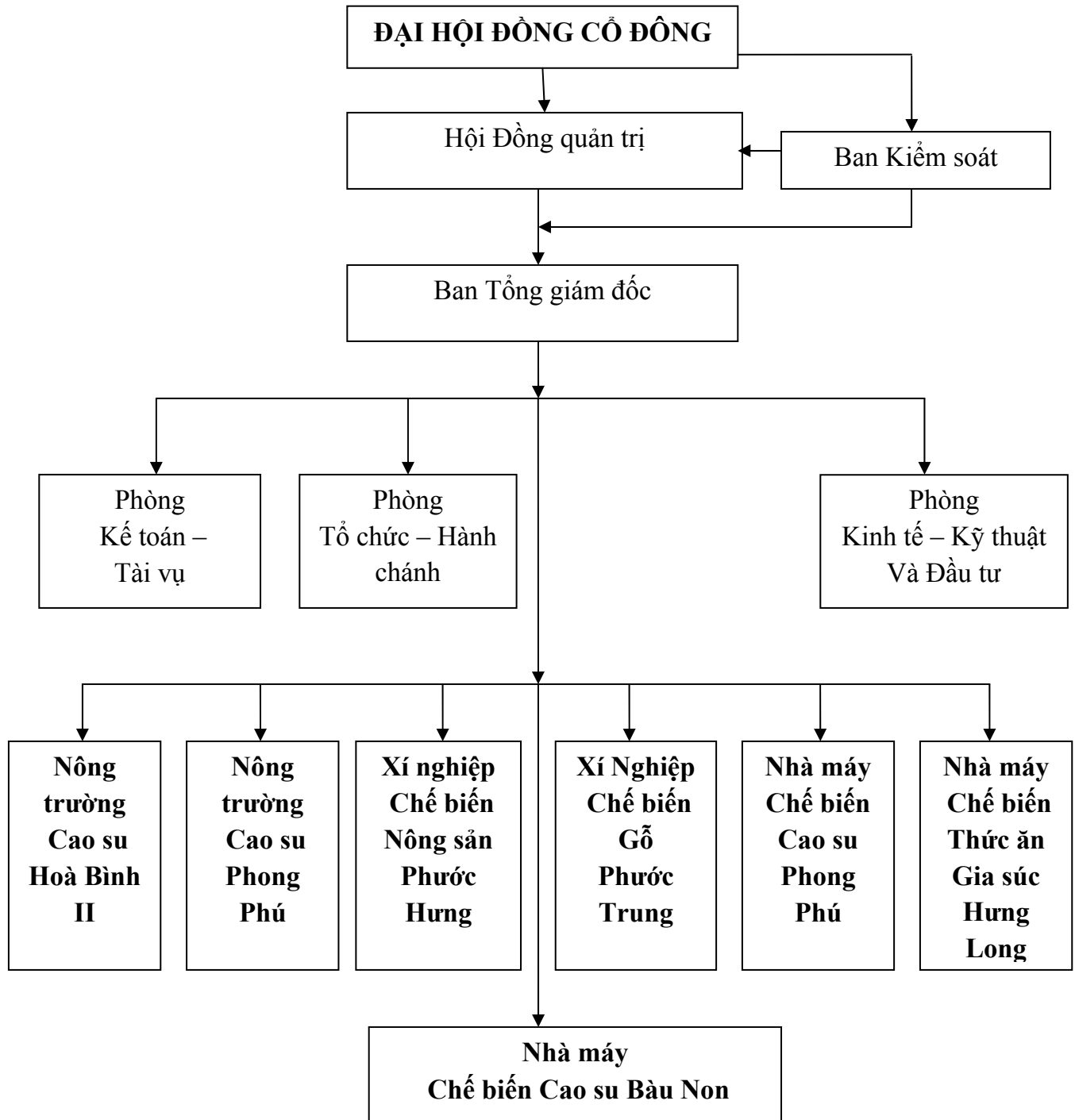
+ Ban Kiểm soát : Gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên. Là cơ quan kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính theo các định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

+ Ban Tổng Giám đốc gồm : 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc; là cơ quan điều hành quản lý cấp cao trong công ty, chịu trách nhiệm thực hiện các nghị quyết của HĐQT và chịu sự giám sát của HĐQT;

+ Các phòng ban nghiệp vụ: Phòng Tổ chức- Hành chính, Phòng Kinh tế -Kỹ thuật - Đầu tư, Phòng Kế toán – Tài vụ ; thực hiện việc tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc ra các quyết định điều hành và quản lý SXKD.

+ Các đơn vị sản xuất trực tiếp: Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong Phú, Nhà máy chế biến chế biến cao su Phong Phú, Nhà máy chế biến chế biến cao su Bàu non, Xí nghiệp chế biến gỗ Phước Trung, Xí Nghiệp chế biến Nông sản Phước Hưng, Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



5. **Các công ty con, công ty liên kết:**

- Công Ty Cổ Phần Xuất – Nhập Khẩu Nông Lâm Sản và Phân Bón Bà Rịa : Tỷ lệ tham gia cổ phần 12% Vốn điều lệ.

6. **Định hướng phát triển**

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty : Công ty được thành lập để huy động vốn của các cán bộ công nhân viên đang làm việc trong công ty; của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước và để sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh. Giữ vững và phát triển thị trường hiện có, đầu tư phát triển các loại hình kinh doanh mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu sản xuất – kinh doanh theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm có hàm lượng trí tuệ cao; nâng cao uy tín, vị thế và phát triển thương hiệu của Công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công ty và các cổ đông; không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong Công ty; bảo đảm lợi ích của các cổ đông; tăng thu ngân sách nhà nước tại địa phương; đóng góp vào các chương trình an sinh xã hội theo khả năng của Công ty; và các mục tiêu khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định thay đổi, bổ sung.

+ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

→ Về trung hạn :

- Thực hiện việc đổi mới vườn cây cao su bằng biện pháp thanh lý dần và trồng mới giống cây có năng suất cao và khả năng kháng bệnh tốt để dần dần thay thế hoàn toàn những vườn cây cao su do trước đây trồng không đúng kỹ thuật, giống cây cũ, năng suất thấp.
- Hoàn thiện việc đầu tư theo hướng hiện đại hoá tại XN Chế biến nông sản Phước Hưng, Nhà Máy chế biến cao su Phong Phú nhằm tăng năng suất chế biến. Song song đó, đào tạo và mở rộng đội ngũ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại để tăng thị phần đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh nông sản.
- Đẩy mạnh việc gia công chế biến đồ gỗ xuất khẩu tại Xí nghiệp chế biến gỗ Phước Trung.
- Xem xét việc mua lại cổ phiếu quỹ của công ty nhằm giữ ổn định giá thị trường của cổ phiếu TNC khi giá xuống thấp dưới mệnh giá..
- Đào tạo đội ngũ nhân viên trẻ kế thừa với đầy đủ Tâm – Tâm – Tài để điều hành công ty.

→ Trong dài hạn:

- Triển khai việc đầu tư trồng cao su tại các tỉnh lân cận nhằm mở rộng quy mô về diện tích, nâng diện tích cây cao su lên khoảng 3.500 ha.

+ Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty).

- ➔ Thời tiết : Trong trường hợp thời tiết xấu như mưa kéo dài hoặc hạn hán kéo dài có thể làm giảm sản lượng vườn cây cao su, làm tăng giá nông sản do mất mùa ... do vậy nên giảm doanh thu và lợi nhuận. Mặt khác, các cơn bão sẽ là mối đe dọa lớn nhất đối với vườn cây cao su
- ➔ Lạm phát : Lạm phát tăng có thể ảnh hưởng đến các yếu tố chi phí đầu vào như : phân bón, điện, nước sinh hoạt ... trong khi giá bán sản phẩm cao su phụ thuộc rất nhiều vào thị trường thế giới đặc biệt là có dấu hiệu giảm từ năm 2012 và điều quan trọng nhất là ảnh hưởng đến đời sống của người lao động do tiền lương tính theo giá bán từ đó có khả năng công nhân bỏ việc cũng ảnh hưởng làm giảm sản lượng cao su.
- ➔ Chính sách thuế: Tiền thuê đất tăng cao sẽ đẩy giá thành tăng theo.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

DVT : triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2011	% So với KH 2012	% So với 2011
Tổng tài sản	379.866		343.609		110,5
Doanh thu thuần	241.222	226.500	161.929	106,5	148,9
Lợi nhuận từ HĐKD	61.850	31.375	73.416	197,1	84,2
Lợi nhuận từ hoạt động khác	17.578	6.125	8.987	287,0	195,6
Tổng lợi nhuận trước thuế	79.428	37.500	82.403	211,8	96,4
Tổng lợi nhuận sau thuế	70.480		72.052		97,8
Nộp Ngân sách	23.327	20.500	28.243	113,8	82,6

Tỉ lệ cổ tức	20%	20%	20%	100%	100%
--------------	-----	-----	-----	------	------

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành: *(Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).*

+ DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

2.1 – Ông **LÊ VĂN LỢI** :

- Chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty;
- Trình độ : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Năm sinh : 1956
- CMND : 270098489
- Địa chỉ thường trú: 132/24 đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Phước Hiệp , Thành phố Bà Rịa , Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quá trình công tác : Từ năm 1992 đến nay công tác tại Công ty Cao su Thống Nhất nay là Công Ty Cổ Phần cao su Thống Nhất
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 5.775.000 cp (Đại diện phần vốn nhà nước : 30% VDL)
- Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.

2.2- Ông **NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG**:

- Chức vụ : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD , Kế toán trưởng công ty;
- Trình độ : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Luật Sư, Cử nhân kinh tế.
- Năm sinh : 1966
- CMND : 273435935
- Địa chỉ thường trú: 3 tổ 11, Phước Thành, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quá trình công tác : Từ năm 1992 đến nay công tác tại Công ty Cao su Thống Nhất nay là Công Ty Cổ Phần cao su Thống Nhất
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 4.043.700 cp (Đại diện phần vốn nhà nước : 21% VDL là 4.042.500cp)
- Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.

2.3 – Ông **NGUYỄN VĂN THOẠI** :

- Chức vụ : Thành viên HĐQT ;
- Trình độ : Sư phạm tiểu học
- Năm sinh : 1961
- CMND : 270734729
- Địa chỉ thường trú: 08/6 ấp Trần Cao Vân, xã Bàu Hàm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

- Quá trình công tác : Từ năm 1979-2000 : Giáo viên tiểu học; Từ 2001 đến nay Phó giám đốc Công Ty TNHH Hưng Nhơn.

- Số lượng cổ phần nắm giữ : 1.000.000, cp (Đại diện cổ đông Công ty TNHH Hưng Nhơn)

- Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.

2.4 – Ông **ĐỖ KHẮC TÙNG**:

- Chức vụ : Thành viên HĐQT công ty;

- Trình độ : 12/12

- Năm sinh : 1959

- CMND : 270576208

- Địa chỉ thường trú: Ấp Núi Tung, huyện Long Khánh – Tỉnh Đồng Nai

- Quá trình công tác : Từ năm 1999 đến nay : Chủ cơ sở phân bón Long Khánh

- Số lượng cổ phần nắm giữ : 600.000 cp (Đại diện cổ đông Cơ Sở Phân Bón Long Khánh)

- Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.

2.5- Ông **LÊ CAO THƯƠNG**:

- Chức vụ : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty;

- Trình độ : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

- Năm sinh : 1969

- CMND : 273112444

- Địa chỉ thường trú: 82/9/30/11 đường Trương Công Định, Phường 3, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Quá trình công tác : Từ năm 1993 đến nay công tác tại Công ty Cao su Thống Nhất nay là Công Ty Cổ Phần cao su Thống Nhất

- Số lượng cổ phần nắm giữ : 300 cp .

- Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.

– Những thay đổi trong ban điều hành: *(Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)*: Ngày 26/12/2012, HĐQT công ty họp và đồng ý bầu bổ sung thêm thành viên HĐQT là ông Nguyễn Nhật Thành Lâm và sẽ trình ĐHĐCĐTN năm 2013 phê chuẩn. Đồng thời thành lập tiểu ban Nhân sự và tiền lương gồm 02 thành viên do Ông Đỗ Khắc Tùng làm trưởng tiểu ban.

– **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

* Tổng số người lao động trong công ty có mặt vào thời điểm ngày 31/12/2012 là : 912, người . Trong đó : Lao động trực tiếp sản xuất : 760, người chiếm tỷ lệ :83,3%

* Chính sách đối với người lao động: công ty luôn tạo mọi điều kiện cho người lao động trong công ty được học tập, nâng cao tay nghề và cuộc sống ngày càng được ổn định đi lên.

- Áp dụng cơ chế khen thưởng, kỷ luật hợp lý và kịp thời nhằm động viên tốt, ngăn chặn xấu.

- Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ trong năm cho người lao động để bảo đảm ..chăm lo sức khoẻ cho người lao động.
- Hàng năm, tổ chức cho người lao động được tham quan nghỉ mát cho người lao động trong và ngoài nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: *Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).*

- Vốn đầu tư XDCB theo kế hoạch năm 2012: 18.352.37 triệu đồng,
- Kết quả thực hiện đầu tư XDCB trong năm 2012: 15.285,07 triệu đồng đạt 83,29 % KH. (Xem phụ lục 1).
- Một số công trình XDCB nằm trong kế hoạch năm 2012 chưa hoàn thành được chuyển sang năm 2013

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2012

ĐVT : 1.000đ

Stt	Nội dung	ĐVT	Khối lượng	Giá trị KH	Giá trị TH	Ghi chú
A	NGUỒN VỐN DOANH NGHIỆP					
I	Các công trình XDCB KH 2011 chuyển sang 2012			4.232.741	2.119.269	
1	NTCS Hòa Bình 2	Cái		1.934.320	1.687.165.6	
	Hàng rào kẽm gai chống lấn chiếm	m	1,000.0	200,000		Chưa
	Nâng cấp đường lô từ lô 26-37; lô 4A-B -41, 54-55, 57-62	Km	3.2	1.200,000	1.206.585,1	
	Đào mương chống lấn chiếm đất HB2	Km	5.9	104.110.0	122.168.0	
	Xây dựng Nhà làm việc đội II và các hạng mục phụ trợ	m ²	50.0	430.210.0	358.412,5	
2	NTCS Phong Phú			724.421	100.206.0	
	Hàng rào kẽm gai	m	2.000.0	400.000		Chưa
	Sửa chữa nâng cấp tường, mái nhà văn phòng Nông trường	HT	1.0	65.506	72.082.0	
	Hồ giữ màu (tích mùn)	Hồ	38.239.0	210.315		Chưa
	Đào mương chống lấn chiếm đất	km	2.613.0	48.600	28.124.0	
3	Nhà máy sơ chế Cao su Phong Phú			170.000	45.247.0	
	Làm đường bê tông ra trạm xử lý nước thải	m ²	187.0	42.000		Chưa
	Xây hàng rào bao quanh nhà máy	m	150.0	60.000		Chưa
	Thay trần (140m2), quét vôi văn phòng làm việc, bảo vệ (1.456m2)	m ²	1.596.0	50.000	45,247.0	
	Mái che phơi mũ	m ²	130.0	18,000		Chưa
4	Nhà máy TĂGS Hưng Long			158.000	-	
	Cấp trực,cấp Ru lô, bạc đạn, phe cài, bulon	Bộ	1.0	158,000		Chưa
5	XN CBNS Phước Hưng			1.246.000	286.650.0	

	Thay mái tôn nhà kho thành phẩm và kho nguyên liệu	m ²	2,183.0	528,000	15,000.0	
	Hệ thống thoát nước mưa	m	300.0	288,000		Chưa
	Tường rào bao quanh xí nghiệp	m	300.0	270,000	153,800.0	
	Làm mái che để máy bóc lụa			40,000	40,000.0	
	Nâng công suất đầu thổi máy bóc lụa	Cái	2.0	120,000		Chưa
	Sửa chữa nâng cấp cân 60 tấn	Cái	1.0		77,850.0	
II	Các công trình đầu tư mới trong năm 2012			14,119,636	13,165,803.1	
1	NTCS Hòa Bình 2			462,500	226,095	
	Xây kho chứa vật dụng và văn phòng làm việc tổ cơ giới	m ²	20.00	60,000		Chưa
	Tường rào bao quanh Nông trường	m	500	402,500		Chưa
	Đào hố tích mùn	Hố			171,845.0	
	Mua 1 máy phun thuốc	Cái	1.0		54,250.0	
2	NTCS Phong Phú			1,300,000	1,503,735	
	Nâng cấp đường lộ	Km	3.53	1,300,000	1,449,485.0	Đang TH
	Mua 1 máy phun thuốc	Cái	1.00		54,250.0	
3	Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú			1,082,000	1,289,755	
	Làm đường xe vào đổ củi 70m x 5m	m ²	350.00	70,000		Chưa
	Xây hồ chứa mùn bột 2m x 1,5m	m ²	3.00	12,000	12,000.0	
	Xây kho thành phẩm 20m x 15 m	m ²	300.00	1,000,000	1,277,755.0	Đang TH
4	Văn phòng Công ty			32,680	32,680	
	Mua máy vi tính	Cái	2.00	32,680	32,680.0	
5	Đầu tư xây dựng cơ bản vườn cây cao su			11,275,136	10,113,538.1	
	* Trong đó:					
5.1	NTCS Phong Phú	ha	201.35	2,001,680	1,593,469.4	
	Trồng mới	ha	-			
	Chăm sóc năm 2	ha	29.80	390,406		
	Chăm sóc năm 3	ha	34.00	364,388		
	Chăm sóc năm 4	ha	27.25	247,361		
	Chăm sóc năm 5	ha	35.61	331,490		
	Chăm sóc năm 6	ha	74.69	668,035		
5.2	NTCS Hoà Bình 2		574.68	9,273,457	8,520,068.7	
	Vườn ương	ha	1.25	568,386		
	Vườn nhân	ha	0.80	77,534		
	Trồng mới	ha	101.62	3,734,792		
	Chăm sóc năm 2	ha	96.50	1,331,501		

	Chăm sóc năm 3	ha	90.00	927,555		
	Chăm sóc năm 4	ha	71.21	715,736		
	Chăm sóc năm 5	ha	27.43	253,603		
	Chăm sóc năm 6	ha	122.58	1,088,799		
	Chăm sóc năm 7	ha	56.40	513,302		
	Chăm sóc năm 8	ha	6.89	62,248		
	Tổng vốn đầu tư:			18,352,378	15,285,071.7	

b) **Các công ty con, công ty liên kết:** (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: không
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Không
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: công ty có kế thừa khoản góp vốn vào Công ty Cổ Phần XNK Nông Lâm Sản và phân bón Bà Rịa (Baria- Serece) 1.796.000 USD. Hoạt động chủ yếu của Baria – Serece là khai thác các dịch vụ về cảng biển và dịch vụ kho bãi như : bốc dỡ hàng hoá, cập tàu, cho thuê kho... Thu nhập trước thuế năm 2012 của Baria- Serece khoảng gần 110 tỷ đồng. Tuy nhiên, do còn phải đầu tư mở rộng quy mô nên hiện tại chia cổ tức cho cổ đông khoảng 4 0% lợi nhuận sau thuế TNDN.

Hiện nay các cổ đông nước ngoài đang xúc tiến việc mua lại cổ phần của cổ đông Bitex (nắm giữ : 10% VDL) và Việt Hà (nắm giữ : 08% VDL). Nếu việc mua bán thành công thì các cổ đông nước ngoài sẽ nắm giữ 88% VDL Baria-Serece. Với tỷ lệ nắm giữ như vậy, các cổ đông nước ngoài sẽ quyết định tất cả các vấn đề tại Baria-Serece mà không cần có ý kiến của Cổ đông Công Ty Cổ Phần Cao su Thống Nhất (TRC). Trong tương lai, nếu các cổ đông này thực hiện việc tăng vốn điều lệ thì khả năng tỷ lệ nắm giữ của TRC sẽ nhỏ dần.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:				
Tổng giá trị tài sản	Đồng	343,609,135,310	379,866,586,368	10.55%
Doanh thu thuần	Đồng	144,727,012,472	191,088,339,411	32.03%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	73,416,234,044	62,303,578,679	-15.14%
Lợi nhuận khác	Đồng	8,987,201,918	17,124,758,388	90.55%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	82,403,435,962	79,428,337,067	-3.61%

Lợi nhuận sau thuế	Đồng	72,051,957,845	70,322,746,082	-2.40%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	52.44	61.79	17.84%
<i>- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).</i>				
a) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:				
Các chỉ tiêu		2,011	2,012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6.09	5.22	
TSLĐ/Nợ ngắn hạn				
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4.65	4.52	
<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	10.22	13.21	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	11.38	15.23	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2.12	3.25	
<u>Giá vốn</u> Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	42.12	50.30	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	49.78	36.80	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	23.36	21.33	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	20.97	18.51	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	50.73	32.60	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tất cả cổ phần trong Công Ty Cổ Phần Cao su Thống Nhất hiện đang lưu hành đều là cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: *Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.*

c) Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

A	<u>Đã lưu ký</u>	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu
I	Trong nước		
1	Cá nhân	1.818	6.549.506
2	Tổ chức	11	2.422.924
	<i>Cộng trong nước</i>	<i>1.829</i>	<i>8.972.430</i>
II	Nước ngoài		
1	Cá nhân	31	85.540
2	Tổ chức	7	276.730

	<i>Cộng nước ngoài</i>	38	362.270
	Cộng đã lưu ký	1.867	9.334.700
B	<u>Chưa lưu ký</u>	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu
I	Trong nước		
1	Cá nhân	76	97.800
2	Tổ chức	1	9.817.500
	<i>Cộng trong nước</i>	77	9.915.300
II	Nước ngoài		
1	Cá nhân	0	-
2	Tổ chức	-	-
	<i>Cộng nước ngoài</i>	0	-
	Cộng chưa lưu ký	77	9.915.300
	Tổng Cộng	1.944	19.250.000

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

III. Các chứng khoán khác: Không

IV. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

– *Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).*

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1. Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam:

Năm 2012 là một năm đầy biến động có tác động tiêu cực đến nền kinh tế thế giới: Vòng xoáy của khủng hoảng nợ công các nước Hy Lạp, Ý và một số nước khác đã làm chao đảo tình hình tài chính thế giới; Chính sách thắt lưng buộc bụng để nhận các gói cứu trợ cũng như đối đầu chính trị và quân sự của một số quốc gia đã co hẹp sản xuất và đẩy nạn thất nghiệp tăng cao đặc biệt là trong những ngành sản xuất sử dụng nguyên liệu cao su;

Về kinh tế trong nước: Việc làm thất thoát vốn của một số tập đoàn, tổng công ty đã đẩy mức nợ xấu tăng cao đối với các tổ chức tín dụng. Việc thắt chặt đầu tư công và giảm hạn mức tín dụng, kiểm chế lạm phát đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp đặc biệt là lĩnh vực bất động sản, ngân hàng... Việc tăng giá xăng dầu, điện, nước, tiền lương tối thiểu... đã làm tăng cộng hưởng một số yếu tố đầu vào của doanh nghiệp ảnh hưởng tăng giá thành sản phẩm

2/ Những thuận lợi và khó khăn của Công ty.

2.1. Thuận lợi

- Trong tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, vào những thời điểm mang tính quyết định nhất, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã năng động, nhạy bén, nắm bắt tình hình kinh tế để đưa ra nhiều quyết định đúng đắn trong chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mang lại hiệu quả.

- Tập thể CBCNV toàn Công ty với tinh thần đoàn kết, vượt qua khó khăn thách thức, ra sức thi đua lao động sản xuất để hoàn thành nhiệm vụ được giao .

- Các hệ thống quản lý chất lượng và môi trường được áp dụng, vận hành có hiệu quả, đã được các tổ chức Quacert (VN), DNV (Na Uy) đánh giá chứng nhận trong tháng 02/2012 và tiếp tục đánh giá định kỳ tháng 12/2012, Công ty đã tiến hành đánh giá nội bộ, họp xem xét lãnh đạo hàng năm để không ngừng cải tiến các Hệ thống quản lý.

- Bên cạnh đó, Công ty luôn được sự quan tâm, hỗ trợ của các sở, ngành trong Tỉnh và các cấp chính quyền địa phương. Việc chỉ đạo, điều hành có hiệu quả của Ban Tổng Giám đốc và sự đóng góp công sức của tập thể người lao động đã góp phần đạt kế hoạch doanh thu 241,22 tỷ đồng, đạt 106,5 % của kế hoạch năm 2012, lợi nhuận trước thuế 79,42 tỷ đồng đạt 211,2% KH năm.

2.2 Khó khăn :

- Giá cao su vào đầu năm tiếp tục giảm, không tiêu thụ được. Cho đến tháng 5, khi giá cao su đột biến tăng ngắn hạn, Công ty đã kịp thời bán hết sản phẩm tồn kho. Từ tháng 6 đến nay, sản lượng cao su chế biến phải lưu kho do giá cao su ở mức thấp, chỉ tiêu thụ được một lượng ít cao su SVR3L và RSS với giá bình quân 55 triệu đồng/tấn, giảm gần 50% so với giá bán năm 2011 và bằng 75% so với giá bán cao su tồn kho vào đầu năm 2012.

- Giá điều nguyên liệu thì ngay từ đầu vụ đã có những biến động bất thường, nên chỉ mua và chế biến được 406 tấn bằng 27% Kế hoạch và chuyển sang làm hợp đồng gia công để duy trì việc làm ổn định cho công nhân.

- Chế biến thức ăn chăn nuôi tiếp tục khó khăn do giá nguyên liệu đầu vào tăng, giá bán không thể tăng theo được do cạnh tranh trên thị trường về giá và chất lượng sản phẩm trong điều kiện vẫn còn tiềm ẩn về nguy cơ dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm.

- Ngoài ra, do phải chịu ảnh hưởng của cơn bão số 1, đầu tháng 4/2012 vườn cây cao su của Công ty, trong đó NTCS Hoà Bình 2 bị thiệt hại nặng .

- Thống kê cho đến nay, tổng số cây cao su bị gãy đổ là: 57.624 cây tương đương 146,10 ha, trong đó:

+ Cây cao su đang khai thác : 54.808 cây (140,5 ha)

+ Cây cao su thời kỳ KTCB: 2.816 cây (5,6 ha)

- Trên vườn cây khai thác tại NTCS Hoà Bình 2 còn có số lượng lớn thân cây bị vụn xoắn, nhóm gốc. Vườn cây trong thời kỳ XDDB ở 02 Nông trường bị nghiêng ngã được dựng thẳng bằng giải pháp chằng chống với số lượng 5.436 cây.

- Thời tiết năm nay không thuận lợi như năm trước, vào mùa mưa thì mưa nhiều và thường xuất hiện vào thời điểm làm ảnh hưởng đến việc khai thác, thu hoạch mủ. Mùa khô lại đến sớm vào đầu tháng 10, nắng hạn kéo dài nên có khả năng vườn cây khai thác năm 2013 rụng lá sớm hơn dự báo trước gần cả tháng.

- Trong quý 4, NTCS Hoà Bình 2 thiếu 20 lao động cạo mủ.

- Thu nhập của người lao động giảm do sản lượng giảm đáng kể, giá bán giảm thấp làm cho đời sống gặp nhiều khó khăn.

Trước tình hình khó khăn trên, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã có chỉ đạo cho Lãnh đạo các đơn vị tăng cường các biện pháp trong chỉ đạo, điều hành, quản lý đảm bảo hiệu quả SXKD. Đối với vườn cây cao su cần tập trung đầu tư thâm canh, phun thuốc phòng trừ bệnh hại để sớm phục hồi cây cao su sau bão và nhất là triển khai các biện pháp quản lý kỹ thuật và bảo vệ sản phẩm, kịp thời giải thích, phân tích cho CB CNV biết những khó khăn của Công ty trong năm 2012 để có sự đồng cảm, chia sẻ cùng nhau ra sức phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ.

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012:

1/ Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cao su:

1.1/ Trồng mới, tái canh và chăm sóc vườn cây XDCB:

- Diện tích trồng tái canh: 101,62 ha, hoàn thành vào ngày 16/6/2012 (trước thời hạn 14 ngày). Tỷ lệ cây ghép sống có 3 tầng lá trở lên đạt trên 98%.

- Chăm sóc vườn cây XDCB: 672,36 ha và 2,01 ha vườn ương, vườn nhân, đạt yêu cầu về tiêu chuẩn. Cây sinh trưởng và phát triển tốt, vanh thân trung bình của vườn cây từ năm thứ 2 đến năm thứ 6 đều vượt chỉ tiêu của ngành khá cao.

- Vườn cây giống: 90.236 cây đạt 100%, đã xuất vườn 69.239 cây đưa vào trồng mới. Số còn lại 20.997 cây tiếp tục chăm sóc sản xuất bầu 3 tầng lá cung cấp cho tái canh niên vụ 2013.

1.2/ Diện tích, sản lượng, năng suất, lỗi kỹ thuật vườn cây khai thác:

1.2.1/ Diện tích cao su kinh doanh: 1.298,38 ha

Trong đó: + NTCS Hoà Bình 2: 1.053,11 ha.

+ NTCS Phong Phú: 245,27 ha.

1.2.2/ Sản lượng khai thác mủ:

- Tổng sản lượng mủ (quy khô) : 1.414,62 tấn đạt 89,76% KH (1.576 tấn). Trong đó:

+ NTCS Hoà Bình 2: 1.030,4 tấn đạt 87,6 % KH.

+ NTCS Phong Phú: 382,1 tấn đạt 95,5 % KH.

So với năm 2011, sản lượng giảm 292,60 tấn.

1.2.3/ Năng suất vườn cây (bình quân): 1.089,5 kg/ha.

Trong đó: + NTCS Hoà Bình 2: 978,4 kg/ha

+ NTCS Phong Phú: 1.557,9 kg/ha.

(Tháng 9/2012 đưa 101,6 ha vườn cây cao su trong thời kỳ XDCB đủ tiêu chuẩn sang kinh doanh, trong đó NTCS Phong Phú 63,6 ha năm thứ VI và NTCS Hoà Bình 2: 38,3 ha năm thứ VII và VIII).

* Phân tích và đánh giá nguyên nhân không đạt sản lượng kế hoạch như sau:

Một số nguyên nhân chính dẫn đến sản lượng mủ khai thác năm 2012 không đạt kế hoạch đề ra :

- Con bão số 01 vào tháng 4/2012 đã tàn phá và làm gãy đổ hoàn toàn 54.808 cây cao su đang thời kỳ khai thác của Nông trường Cao su Hoà Bình 2, tương đương 140,5 ha,

gây thiệt hại nghiêm trọng. Sau khi cơn bão đi qua còn để lại một lớn cây cao su thân bị vặn xoắn, nhóm gốc gây thất thu sản lượng và tiếp tục gãy đổ khi có gió mạnh.

- Diện tích giảm do thanh lý 101,62 ha thanh lý đưa vào tái canh trồng mới.
- Tại NTCS Hoà Bình 2, vào thời điểm quý 4 thiếu 20 lao động, do công nhân tự ý nghỉ việc, bỏ việc.
- Cơ cấu tuổi vườn cây không đồng đều.
- Bệnh phấn trắng vào đầu năm 2012 lây lan mạnh trên vườn cây của 02 nông trường gây rụng lá cao su non, bệnh nặng cấp độ 3, 4. Mặc dù Công ty đã chủ động trang bị 02 máy phun thuốc công suất cao để phun phòng trị bệnh nhưng tốc độ lây lan rất nhanh.
- Thời tiết không thuận lợi, lượng mưa ít, nắng nóng kéo dài từ tháng 10 đến tháng 12 dẫn đến sản lượng giảm. Bên cạnh đó do nắng nóng nên cây cao su rụng lá sinh lý sớm hơn các năm trước.

1.2.4/Lỗi phạm kỹ thuật bình quân năm 2012.

- NTCS Hoà Bình 2:
 - + Vườn cây nhóm I: 0,71 lỗi/CN/tháng
 - + Vườn cây nhóm II: 0,73 lỗi/CN/tháng.
- NTCS Phong Phú:
 - +Vườn cây nhóm I: 0,25 lỗi/CN/tháng
 - + Vườn cây nhóm II: 0,66 lỗi/CN/tháng

(Mục tiêu chất lượng: Vườn cây nhóm I: 0,8 lỗi/CN/tháng; Vườn cây nhóm II: 1,0 lỗi/CN/tháng).

1.3/ Chế biến mủ cao su:

- Tổng sản lượng mủ sơ chế: 1.849,23 tấn đạt 98,9% KH (kể cả sản lượng mủ gia công). Trong đó:

- + Mủ SVR: 1.408,47 tấn, đạt 99% KH (sản phẩm SVR3L đạt 100%)
 - + Mủ RSS: 440,77 tấn, đạt 98,60 % KH(Sản phẩm RSS 1-3 đạt 98,62 %)
- Cả 02 nhà máy đều đạt và vượt mục tiêu chất lượng đề ra .

1.4/ Tiêu thụ cao su:

- Tổng sản lượng mủ tiêu thụ: 1.864,14 tấn thành phẩm, Trong đó:
 - + Mủ SVR: 1.334,4 tấn,.
 - + Mủ RSS: 529,7 tấn.
 - Mủ tạp: 157,39 tấn (quy khô 68,43 tấn)

Giá bán bình quân: 70,2 triệu đồng/tấn SVR3L và 64,0 triệu đồng/Tấn RSS

2/ Hoạt động thu mua, chế biến & kinh doanh Nông lâm sản:

2.1/ Chế biến và Gia công điều:

- + Gia công: 2.798,74 tấn nguyên liệu, thu hồi 636,06 tấn nhân đạt 127,2 % KH Công ty giao.
- + Chế biến: 406,84 tấn nguyên liệu thu hồi 97,83 tấn nhân.

2.2/ Chế biến các loại: 2.554,9 Tấn, đạt 98,26 % KH.

2.3/ Chế biến Gỗ: Doanh thu 11.763,9 triệu đồng, đạt 196,07 % KH .

3/ Tình hình quản lý đất đai:

Hiện nay Công ty đã được Nhà nước ký hợp đồng cho thuê toàn bộ diện tích đất trồng cao su gồm: Nông trường cao su Hoà Bình 2: 1.715,5 ha và Nông trường cao su Phong Phú 480,6 ha .

Tại Nông trường Phong Phú hiện nay còn một số hộ dân chiếm đất, dời cột mốc ranh giới và một số diện tích cấp chông lên đất của dân hay chông lên đường giao thông. Phòng KT-KT-ĐT đã liên hệ cùng Sở Tài nguyên-Môi trường và Phòng Tài nguyên-Môi trường các huyện để giải quyết.

4/ Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm 2012

Kết quả thực hiện:

- Doanh thu: 241.222 triệu đồng, đạt 106,5 % KH năm.
- Lợi nhuận trước thuế: 79.428 triệu đồng, đạt 211,2 % KH năm.
- Nộp ngân sách: 26.249 triệu đồng, đạt 175% KH năm.
- Lợi nhuận sau thuế: 70,48 tỷ đồng.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Doanh thu : 32,93 %.

5/ Những khoản đầu tư lớn trong năm :

-Vốn đầu tư XDCCB theo kế hoạch năm 2012: 18.352.37 triệu đồng.

Trong năm 2012, công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐTN năm 2012 về đầu tư XDCCB với tổng kinh phí: 15.285,07 triệu đồng đạt 83,29 % KH. (Chi tiết xem phụ lục 1).

Một số công trình XDCCB nằm trong kế hoạch năm 2012 chưa hoàn thành được chuyển sang năm 2013.

6/ Lao động, thu nhập tiền lương và các khoản phải nộp :

6.1/Tổng số lao động:

Tổng số lao động có mặt cuối kỳ (31/12/2012): 912 người, Trong đó:

- Lao động trực tiếp sản xuất: 760 người, đạt tỷ lệ 83,3%.

6.2/ Thu nhập:

1. Thu nhập bình quân năm 2012 của người lao động toàn Công ty : 5.276.834 đồng/người/tháng, trong đó của người lao động khai thác và chế biến cao su : 6.466.375 đồng/người/ tháng. Cụ thể từng đơn vị như sau:

- Nông trường Cao su Hoà Bình 2 : 6.296.142 đồng/người/tháng.
- Nông trường Cao su Phong Phú : 6.755.477 đồng/người/tháng.
- Nhà máy Chế biến cao su Bàu Non : 5.544.141 đồng/người/tháng.
- Nhà máy Sơ chế cao su Phong Phú : 4.482.722 đồng/người/tháng .

2. Các đơn vị ngoài ngành cao su:

- Xí nghiệp CB nông sản Phước Hưng: 2.617.561 đồng/người/tháng.
- Nhà máy CB TAGS Hưng Long : 4.482.722 đồng/người/tháng.
- Xí nghiệp CB Gỗ Phước Trung: 4.808.286 đồng/người/tháng.

PHÂN TÍCH VỀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP TIỀN LƯƠNG CỦA CÔNG NHÂN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN MỦ NĂM 2012 SO VỚI NĂM 2011.

1. Nông trường cao su Hoà Bình 2:

- Sản lượng thực hiện giảm 245,7 tấn, tỷ lệ giảm 19,2%.
- Năng suất lao động 4.033 kg/người/năm, giảm 1.040 kg/người/năm
- Thu nhập của CN cao su giảm 14,5%.

2. Nông trường Cao su Phong Phú:

- Sản lượng thực hiện giảm 41,2 tấn, tỷ lệ giảm 9,3%.
- Năng suất lao động 4.447 kg/người/năm, giảm 973 kg/người/năm
- Thu nhập của CN cao su giảm 7,9 %.

3. Nhà máy chế biến cao su Bàu Non:

- Sản lượng thực hiện giảm 200 tấn, tỷ lệ giảm 12,4%.
- Năng suất lao động 56.340 kg/người/năm, so với năm 2011 giảm 15,4%.
- Thu nhập của CN chế biến mủ giảm 12,2 %.

4. Nhà máy chế biến cao su Phong Phú:

- Sản lượng thực hiện giảm 11,18 tấn, tỷ lệ giảm 2,5 %.
- Năng suất lao động 31.483 kg/người/năm, so với năm 2011 giảm 16,4%.
- Thu nhập của CN chế biến mủ tăng 9 %.

- Đối với Nông trường Cao su Hoà Bình 2: Thu nhập của người lao động cao su giảm 14,5 % do năng suất lao động giảm, năng suất vườn cây bình quân chỉ đạt dưới 1 tấn/ha. Vấn đề này là do năm qua vẫn xảy ra tình trạng thiếu lao động vào những tháng cuối năm phải tăng số lượng cây cao su dẫn đến công nhân cao su không hết cây, mặc khác do cơ cấu tuổi cây không đồng đều, đa phần nhóm I (vườn cây tơ) và nhóm III (là vườn cây cận thanh lý và tận thu thanh lý để tái canh).

- Đối với Nông trường Cao su Phong Phú: Thu nhập của người lao động cao su giảm gần 8 % là do năng suất vườn cây đạt 1.558 kg/ha , giảm 4,7% so với năm trước.

Tăng tiền lương một cách cơ bản và bền vững nhất là tăng năng suất lao động nhưng năm 2012 các Nông trường, Nhà máy chế biến cao su năng suất lao động đều giảm đã ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động.

Công ty áp dụng việc trả lương theo doanh thu, tiền thưởng thực hiện theo quy chế thi đua khen thưởng trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng đơn vị trực thuộc. Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động, ngoài ra còn tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động khai thác và chế biến cao su với định suất 15.000 đồng/phần ăn.

Nhằm động viên khuyến khích người lao động có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động sản xuất, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2012, Ban Tổng Giám đốc và Ban chấp hành Công đoàn Cơ sở Công ty tổ chức cho 545 người lao động tham quan nghỉ mát tại các điểm du lịch trong nước như: Hà nội, Ninh Bình, Côn Đảo, Đà Lạt, Nha Trang. Ngoài ra, từ Văn phòng Công ty đến các đơn vị trực thuộc đã tổ chức và tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao của Công ty cũng như của ngành nhằm đáp ứng nhu cầu về đời sống văn hoá, tinh thần của người lao động.

6.3. Các khoản phải nộp và chi trả cho người lao động :

* Các khoản nộp (so với năm trước)

- Bảo hiểm xã hội (24%) : 7.183.056.960 đồng, tăng 40,7 %
- Bảo hiểm y tế (4,5%) : 1.346.823.736 đồng, tăng 27,5 %

- Bảo hiểm thất nghiệp (2%) : 598.588.080 đồng, tăng 27,5 %

* Các khoản chi trả :

- Ốm đau : 95 lượt người với số tiền 60.783.856 đồng (tăng 16 lượt người)

- Thai sản : 27 lượt người với số tiền 256.481.560 đồng (tăng 7 lượt người)

- Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe : 17 lượt người với số tiền 14.100.000 đồng, tăng 3 lượt người.

6.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn vệ sinh lao động:

Trong năm Công ty đã tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, công nhân, người lao động với chi phí 36.930.000 đồng.

Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho tất cả các đối tượng trong toàn Công ty, trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động phù hợp theo ngành nghề.

Năm qua không xảy ra bất cứ trường hợp tai nạn lao động nào, cũng như không có trường hợp ngộ độc thực phẩm .

6.5. Công tác xã hội:

Năm 2012 Công ty đã chi đề hỗ trợ cho các địa phương, tổ chức với số tiền: 168,8 triệu đồng. Trong đó:

- Ủng hộ xây dựng 3 căn nhà Đại đoàn kết: 60 triệu đồng.
- Quỹ vì người nghèo, vì con em chúng ta, đền ơn đáp nghĩa: 88,04 triệu đồng.
- Quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh: 20,76 triệu đồng

7. Công tác thi đua khen thưởng và đánh giá, giám sát cán bộ quản lý cấp cơ sở.

- Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty đã họp xét công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở cho 28 cá nhân, khen thưởng cấp Công ty có 9 tập thể lao động tiên tiến . Gửi hồ sơ đề nghị Hội đồng thi đua khen thưởng Tỉnh, Bộ ngành trung ương khen thưởng và công nhận các danh hiệu, trong đó:

- + Tập thể lao động xuất sắc: 03 đơn vị.
- + Bằng khen Thủ tướng Chính phủ: 02 đơn vị.
- + Bằng khen UBND Tỉnh và Các Bộ ngành Trung ương: 12 cá nhân.
- + Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh: 03 cá nhân.
- + Cờ thi đua UBND Tỉnh: 01 đơn vị.
- + Huân chương lao động hạng II: 01 cá nhân
- + Huân chương lao động hạng III: 02 cá nhân.

- Ban Tổng Giám đốc đã có báo cáo gửi Hội đồng quản trị Công ty V/v đánh giá giám sát cán bộ quản lý cấp cơ sở năm 2012 đối với các Trưởng phòng Công ty, Giám đốc Nông trường, Xí nghiệp và Quán đốc Nhà máy.

8. Thành tích của Công ty:

- Giai thưởng Giai bạc Chất lượng quốc gia năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ .
- Hội đồng thi đua khen thưởng Tỉnh Khôi thi đua Doanh nghiệp 14 đề nghị UBND Tỉnh tặng Cờ thi đua của UBND Tỉnh cho Công ty CP Cao su Thống Nhất .
- Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tặng Giấy khen Ban Chỉ huy Quân sự Công ty “ Đã lập được thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua quyết thắng giai đoạn 2009-2012” theo Quyết định số 2127/QĐ-BCH, ngày 01/12/2012 và tặng Danh

hiệu Đơn vị tiên tiến “ Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2012 (theo quyết định số 2128/QĐ-BCH, ngày 01/12/2012).

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, so với kế hoạch đề ra, tập thể người lao động trong công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch. Tuy nhiên, so với thực hiện năm 2011 thì các chỉ tiêu sản lượng, lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách đều giảm. Nguyên nhân là: Do giá bán sản phẩm cao su bình quân trong năm 2012 chỉ bằng 67% so với 2011 ((2011)102 triệu đồng. tấn / 68 triệu đồng. tấn (2012)) , trong khi đó lượng bán năm 2011 bằng 52% so với năm 2012. Đây là nguyên nhân khách quan do ảnh hưởng về suy thoái kinh tế đã nêu trên.

Lợi nhuận năm 2012 cao hơn kế hoạch đề ra là do: Giá bán cao su xuống thấp, công ty đã chủ động bán tăng lượng cao su thành phẩm gấp 2,5 lần so với kế hoạch. Nhằm ngăn ngừa tình trạng giá mủ cao su sẽ xuống thấp hơn như năm 2008; Thu về bán cây cao su gây đổ tăng nhiều so với kế hoạch là do gãy đổ từ cơn bão số 1 (01/04/2012)

Năm 2012 là năm khó khăn nhất trong việc thực hiện kế hoạch sản lượng mủ ở 02 Nông trường. Về nguyên nhân cơ bản như đã phân tích trong phần đặc điểm tình hình của Công ty, năng suất vườn cây thấp chủ yếu là do mật độ cây hữu hiệu trên 1 ha còn quá ít, cụ thể như : NTCS Hoà Bình 2 bình quân 310 cây cao/ha và NTCS Phong Phú bình quân 328 cây cao/ha, Thu mua chế biến hạt điều, chế biến thức ăn chăn nuôi đạt sản lượng thấp tuy đã điều chỉnh kế hoạch. Các chỉ tiêu tổng doanh thu, lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên có được là do bán được sản phẩm tồn kho năm 2011 với giá cao hơn giá kế hoạch. Công ty đã giải quyết kịp thời và đầy đủ tiền lương, các chế độ chính sách cho người lao động. Công tác đầu tư XD CB chỉ tập trung cho các công trình cần thiết để phục vụ nhiệm vụ phát triển sản xuất, ngoài việc đầu tư tái canh trồng mới cao su và chăm sóc vườn cây thời kỳ KTCB.

Với tinh thần đoàn kết, vượt qua khó khăn thách thức, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các đơn vị và người lao động trong toàn Công ty đã nỗ lực, cố gắng, ra sức thi đua lao động sản xuất để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

- Tổng tài sản cuối kỳ tăng so với đầu kỳ 36,2 tỷ đồng chủ yếu là do tăng tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ. Nguyên nhân là do tiền bán hàng trong quý 4/2012.

Tài sản cố định giảm do thanh lý vườn cây.

Hiệu quả sử dụng tài sản : Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản năm 2012 là : 18,51 so với năm 2011 là 20,97 giảm 2,46 nguyên nhân là do lợi nhuận giảm.(Phân tích lợi nhuận giảm nêu trên).

- Về tình hình nợ xấu: có khoản nợ 4.219.180.549 ,VNĐ và 1.117.820.000,VNĐ phát sinh từ năm 2006 của DNTN Phát Hưng và khoản nợ 1.049.898.450,VNĐ (khoản phải thu từ Công Ty TNHH An Thịnh mua cám. Hai khoản nợ này công ty đã lập dự phòng phải thu khó đòi.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Nợ phải trả cuối kỳ tăng 15,08 tỷ đồng chủ yếu là khoản tiền do Công Ty TNHH Liên Anh trả trước tiền mua cao su SVR3L 11,97 tỷ đồng, công ty đã xuất hàng vào quý 1/2013.

Khoản phải trả cho người bán cung cấp vật tư, hàng hoá 2 tỷ đồng và chi phí thuê đất nông nghiệp .

- *Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.*

3. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Đối với sản phẩm cao su : Tiếp tục duy trì khách hàng truyền thống, khi quy mô sản xuất được mở rộng như dự định sẽ nghiên cứu phát triển sang thị trường Mỹ, Nhật thông qua Hiệp Hội Cao su Việt Nam. Mục tiêu đặt ra là : Tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm nông sản năm sau cao hơn năm trước 8%. Năng suất vườn cây trên 1,8 tấn /ha. Tỷ lệ sản phẩm cao su sơ chế loại RSS1 98%, sản phẩm SVR3L 99%. Đòi hỏi người lao động trong công ty ngày càng được ổn định và nâng cao hơn năm trước bằng đề án cải tạo và chăm sóc vườn cây.

- Đối với sản phẩm nông sản: Mở rộng thị trường nguyên liệu lên phía vùng cao nguyên trung phần; Kiểm soát hoạt động chế biến thức ăn chăn nuôi nếu không hiệu quả có thể tạm ngưng sản xuất ...

- Đối với sản phẩm gỗ: mở rộng thị trường sang các nước trong khu vực.

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).**

6. **Đánh giá giám sát cán bộ quản lý:**

1. GIÁM ĐỐC NTCS HÒA BÌNH 2:

1.1. Những điểm cần phát huy :

Trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất của Nông trường có những điểm nổi bật, đó là :

- Thực hiện công tác sản xuất giống, tái canh trồng mới và chăm sóc vườn cây cao su XDCB đạt yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng vườn cây tốt, cây cao su sinh trưởng và phát triển tương đối đồng đều.

- Vườn cây cao su khai thác đúng quy trình kỹ thuật (TRC-QT-7/2) kiểm soát quá trình trồng mới, chăm sóc và khai thác cao su của Công ty.

- Công tác quản lý đất đai khá tốt.

- Tình hình vi phạm nội quy, kỷ luật lao động của người lao động giảm so với các năm trước.

- Thiệt hại sau cơn bão số 1 (đầu tháng 4/2012) tại NTCS Hòa Bình 2 là rất lớn, tổng số cây gãy đổ lên đến 53.226 cây. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của lãnh đạo Nông trường động viên kịp thời cán bộ, nhân viên và người lao động trên tinh thần đoàn kết vượt qua

khó khăn cùng chung tay thu dọn vườn cây gãy đổ sau hơn 01 tháng để kịp thời ổn định sản xuất ngay từ đầu niên vụ khai thác 2012-2013.

1.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Công tác chỉ đạo, kiểm tra cần sâu sát hơn nữa để có những quyết định kịp thời, kiên quyết và hiệu quả hơn trong sản xuất.

- Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo kế cận còn yếu, chưa có đề án nhân sự đối với : bộ phận quản lý Nông trường, đội Bảo vệ. Tổ chức lao động sản xuất chưa phù hợp đối với khu vực chăm sóc vườn cây XDCB.

- Lao động cao mủ của Nông trường đến đầu tháng 10/2012 thiếu 17 người, đã làm cho sản lượng thu hoạch giảm. Nông trường cần lưu ý công tác đào tạo, tuyển dụng đầu năm phải có kế hoạch dự phòng lao động cao mủ, để khi thiếu lao động thì thông báo cho số lao động dự phòng này đến nhận việc và lúc đó mới cấp giấy chứng nhận đã qua đào tạo tại Nông trường.

- Chưa thực hiện nghiêm chỉnh chỉ đạo của Ban TGD trong tổ chức thực hiện, triển khai biện pháp nhóm tự quản và tận thu mủ dầy.

- Trong công tác phối hợp, cần tăng cường mối quan hệ với chính quyền địa phương (huyện, xã), Quản đốc Nhà máy chế biến cao su Bàu Non để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất, quản lý đất đai, bảo vệ sản phẩm và tài sản đơn vị cũng như đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

2. GIÁM ĐỐC NTCS PHONG PHÚ:

2.1. Những điểm cần phát huy :

- Công tác chăm sóc vườn cây cao su XDCB đúng qui trình kỹ thuật; chỉ tiêu vanh thân trung bình từ năm thứ 2 đến năm thứ 6 đều vượt qui định về tiêu chuẩn của ngành. Có 63,3ha vườn cây năm thứ 6 đã chuyển sang kinh doanh trước thời hạn 9 tháng.

- Kỹ thuật khai thác mủ của công nhân khá tốt, lỗi phạm kỹ thuật bình quân của công nhân thấp hơn so với mục tiêu chất lượng đề ra, lao động cao mủ rất ổn định trong suốt cả năm.

- Việc triển khai thực hiện nhóm tự quản trong từng tổ cao mủ hoạt động có hiệu quả, vừa nâng cao được năng suất lao động, vừa quản lý vườn cây và sản phẩm tốt mà điển hình là tỷ lệ giao nộp mủ tạp cao, biện pháp tận thu mủ dầy đạt kết quả khá quan trọng năm đầu tiên.

- Công tác bảo vệ vườn cây, sản phẩm được kiểm soát chặt chẽ, quan hệ phối hợp rất tốt với chính quyền địa phương và Quản đốc Nhà máy chế biến cao su , đảm bảo tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

2.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Lãnh đạo NT khi có các quyết định chỉ đạo sản xuất, kỹ thuật phải cân nhắc kỹ để tránh những sai sót ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công Ty và thu nhập của người lao động (về việc công nhân cao vượt quá qui định hao vò tối đa trong năm). Những vấn đề vượt quá thẩm quyền phải xin ý kiến của Ban TGD Công Ty.

- Trong quản lý, điều hành cần quan tâm hơn nữa lĩnh vực sản xuất kỹ thuật có biện pháp kiểm tra cán bộ nhân viên thuộc quyền được phân công nhiệm vụ giám sát công việc ngoài vườn cây như : kiểm kê vườn cây khai thác, giao nhận mủ, gắn máng che mưa trên cây cao su .

3. QUẢN ĐỐC NM CHẾ BIẾN CAO SU BÀU NON :

3.1-Những điểm cần phát huy :

- Sản phẩm cao su SVR-3L của Nhà máy đạt 100%, không có sản phẩm bị rớt hạng SVR5. Kiểm phẩm định kỳ 3 lần/năm đều đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3769:2004, không có sự phàn nàn hoặc khiếu nại của khách hàng.

- Đánh giá giám sát định kỳ hàng năm của các tổ chức chứng nhận HTQL chất lượng, môi trường không có điểm không phù hợp 1,2. Nước thải ra môi trường đạt loại B.

- Công tác tiếp nhận mủ nguyên liệu, xác định hàm lượng chất khô (DRC) của khách hàng nội bộ và bên ngoài khách quan, trung thực, chính xác. Không có phản ảnh sự không hài lòng từ phía khách hàng.

- Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và PCCN, khuôn viên văn phòng, nhà xưởng, kho sạch, đẹp, an toàn .

3.2-Những hạn chế cần khắc phục :

- Quản đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Ban TGD Công Ty trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của đơn vị nên hàng ngày phải có mặt tại nhà máy để kịp thời xử lý các vấn đề có liên quan như : giao nhận mủ, kiểm soát qui trình chế biến, công tác an ninh, bảo vệ, các công việc nghiệp vụ phát sinh.

- Tăng cường biện pháp bảo vệ tài sản, sản phẩm của Nhà máy, không để mất cắp, thất thoát nhất là vào ban đêm và ngoài giờ sản xuất. Các cao điểm Lễ, Tết phân công lực lượng tự vệ tham gia trực sẵn sàng chiến đấu theo lệnh của Thủ trưởng, Ban CHQS Huyện, Ban CHQS Công Ty.

- Hệ thống quản lý chất lượng, quản lý môi trường mà Nhà máy đang áp dụng cần thiết phải xem xét lại các tài liệu như qui trình, qui định nhằm tiếp cận với thực tế hoạt động sản xuất, tài liệu nào không còn phù hợp cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc soạn thảo mới để thay đổi, trình đại diện Lãnh đạo, Tổng Giám đốc phê duyệt, ban hành áp dụng.

4. QUẢN ĐỐC NM CHẾ BIẾN CAO SU PHONG PHÚ:

4.1. Những điểm cần phát huy :

- Sản phẩm cao su tờ RSS của Nhà máy, chất lượng loại 1-3 đạt 98,62%. Trong quá trình sản xuất, Quản đốc Nhà máy cần nghiên cứu sâu hơn nữa, đề ra 1 số biện pháp kỹ thuật và đề cao trách nhiệm của công nhân trong từng bộ phận của dây chuyền sản xuất để nâng chất lượng sản phẩm loại 1 đạt 85% trong năm 2013.

- Là một trong những đơn vị thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng, môi trường khá tốt. Đảm bảo nước thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn loại B, khuôn viên văn phòng và Nhà máy sạch sẽ. Thực hiện tốt công tác ATVS lao động và PCCN.

- Phát huy sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật của cán bộ và công nhân tạo sự chuyển biến tích cực và sức lan tỏa mạnh mẽ trong phong trào thi đua của đơn vị và toàn Công Ty.

4.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Quản đốc Nhà máy cần sắp xếp thời gian hợp lý hơn nữa trong việc giải quyết công việc tại văn phòng hàng ngày để tập trung kiểm tra, chỉ đạo sản xuất tại xưởng chế biến, học tập kinh nghiệm trong thực tế và cải tiến công tác chế biến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Xây dựng, trình duyệt và triển khai đề án thu mua nguyên liệu mủ cao su, gia công thành phẩm cho các hộ cao su tư nhân, tổ chức trong khu vực và các Huyện lân cận để nâng cao sản lượng chế biến hàng năm, đảm bảo công suất của Nhà máy hoạt động phải đạt cho được 80%.

- Trong vận hành các Hệ thống QLCL và Môi trường của Nhà máy : Cần xem xét, tiếp cận thực tế sản xuất để có cải tiến, bổ sung, chỉnh sửa tài liệu phù hợp với hoạt động kiểm tra, giám sát.

- Qui định chi tiết bằng văn bản cho từng bộ phận, từng người lao động, Khi vận hành MMTB, các công đoạn sản xuất, kho thành phẩm đặt tại vị trí làm việc.

- Cần lưu ý trồng thêm nhiều cây xanh trước công và trong khuôn viên Nhà máy, vừa tạo cảnh quan, vừa có bóng mát tạo môi trường trong lành, sạch đẹp và thông thoáng.

5. GIÁM ĐỐC XN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN PHƯỚC HƯNG:

5.1. Những điểm cần phát huy :

- Tính năng động trong chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động SXKD của Xí nghiệp, xử lý công việc kịp thời, có hiệu quả.

- Công tác tổ chức nhân sự tốt, bộ phận nghiệp vụ nắm vững các yêu cầu, qui định liên quan đến công tác quản lý tài chính, kế toán, kỹ thuật

- Trước khó khăn của ngành điều trong những năm gần đây và năm 2012 chỉ thu mua và chế biến được trên 400 tấn nguyên liệu bằng 27% kế hoạch. Lãnh đạo Xí nghiệp đã chủ động chuyển sang phương án gia công 2800 tấn điều nguyên liệu đạt 127% kế hoạch năm, đã duy trì việc làm ổn định cho công nhân, đồng thời kinh doanh có lợi nhuận tuy không cao.

- Thực hiện tốt công tác ATVSLĐ và PCCN.

5.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Cần đặc biệt quan tâm hơn nữa công tác vệ sinh môi trường tại xưởng tách nhân, phải đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động sạch sẽ, thông thoáng, hạn chế bụi, nhiệt độ còn cao để nâng cao năng suất lao động và thu nhập của công nhân.

- Hệ thống quản lý môi trường ISO 9001:2008 có điểm không phù hợp loại 2 trong lần đánh giá giám sát định kỳ năm 2012 của tổ chức chứng nhận (TRC-CBNS-QĐ-7/1) Tiêu chí kiểm tra độ ẩm sau mỗi ca sấy và xuất bóc tại công đoạn sấy nhân chưa được kiểm soát. Tiếp tục xem xét tài liệu đang áp dụng để có chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện nhằm cải tiến hệ thống.

- Quan tâm chỉ đạo công tác tổ chức hoạt động của các đoàn thể Công đoàn và Đoàn TNCS.

6. QUẢN ĐỐC NM CHẾ BIẾN TĂGS HƯNG LONG:

6.1. Những điểm cần phát huy :

- Tiếp tục quan hệ mở rộng với nhiều đối tác, khách hàng để tăng sản lượng chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo phù hợp với năng lực sản xuất.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu trên cơ sở chất lượng ngày càng nâng cao, đảm bảo các qui định về an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, các giải pháp mới trong chế biến thức ăn chăn nuôi, trong quản lý tiếp thị sản phẩm, hạ giá thành sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

- Thực hiện tốt công tác ATVSLĐ và PCCN.

6.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Có biện pháp tích cực trong việc thu hồi công nợ, không để các đại lý, khách hàng chiếm dụng vốn quá thời hạn qui định, nợ để kéo dài làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Nhà máy.

- Hệ thống quản lý chất lượng có điểm không phù hợp loại 2 trong kỳ đánh giá giám sát của tổ chức chứng nhận, trong đó cần lưu ý: lấy mẫu kiểm tra, lập danh mục lưu mẫu, tiêu chuẩn chất lượng trên bao bì phải phù hợp với tiêu chuẩn cơ sở đăng ký mới nhất (TRC-NM TAGS-QT -6/2).

- Kho nguyên liệu cần sắp xếp, bố trí ngăn nắp, hợp lý với điều kiện sản xuất, đảm bảo sạch sẽ, vệ sinh an toàn thực phẩm để nhận dạng và kiểm tra.

- Tăng cường công tác

7. GIÁM ĐỐC XN CHẾ BIẾN GỖ PHƯỚC TRUNG :

7.1. Những điểm cần phát huy :

Xí nghiệp tự chủ trong hoạt động SXKD, quan hệ tốt và uy tín với các tổ chức, doanh nghiệp, khách hàng trong việc ký kết hợp đồng sản xuất và cung cấp các sản phẩm gỗ dân dụng. Đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động, thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2012.

7.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Nghiên cứu thị trường, mở rộng quan hệ với các đối tác để phát triển SXKD của Xí nghiệp. Đa dạng sản phẩm, mẫu mã, chất lượng để cạnh tranh với các sản phẩm cùng chủng loại trên thị trường.

- Cải thiện môi trường làm việc đối với người lao động, hạn chế các tác động môi trường như tiếng ồn, bụi, nóng

8. PHÒNG TỔ CHỨC-HÀNH CHÁNH :

8.1. Những điểm cần phát huy :

- Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động theo qui định của Bộ Luật Lao động

- Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện và ban hành qui chế thi đua-khen thưởng của Công ty. Làm tốt công tác TĐKT trên lĩnh vực Nhà nước và an ninh, quốc phòng tại địa phương.

- Ban hành qui định về phân công, phân cấp, và chế độ làm việc của toàn Công Ty (Hoàn thiện Qui định TRC-QĐ-5/1, tài liệu HTQLCL ISO 9001:2008).

- Công tác hành chính - quản trị có nhiều thay đổi, tiến bộ đáp ứng được yêu cầu của Lãnh đạo giao, nhất là công tác quản lý hồ sơ, tài liệu.

- Công tác thanh tra, bảo vệ tiếp tục được phát huy trên cơ sở kế hoạch 190/KH-CT về bảo vệ vườn cây và sản phẩm cao su trên địa bàn các Nông trường.

8.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc :

+ Công tác qui hoạch cán bộ, phát triển đội ngũ lãnh đạo kế cận.

+ Xây dựng qui chế tuyển dụng, đào tạo và tổ chức quản lý lao động hàng năm (Tình trạng NTCS Hòa Bình 2 vẫn có lúc thiếu lao động trong 3 năm liền).

+ Thống kê tổng hợp, phân tích đánh giá tình hình về số lượng, chất lượng lao động, biện pháp sử dụng lao động : thừa, thiếu (công nhân chăm sóc vườn cây XDCB).

- Lập kế hoạch và trình duyệt đơn giá tiền lương hàng năm còn chậm, chưa kịp thời trong việc đáp ứng yêu cầu của đơn vị cơ sở.

- Việc liên hệ với Sở Cảnh sát PCCC để tập huấn, huấn luyện công tác phòng cháy, chữa cháy cho đơn vị trực thuộc hàng năm chưa thực hiện được theo yêu cầu của tổ chức chứng nhận ISO 14001:2004.

9. PHÒNG KINH TẾ-KỸ THUẬT-ĐẦU TƯ :

9.1. Những điểm cần phát huy :

- Năng lực quản lý chuyên môn về kỹ thuật cao su và chế biến nông sản của các kỹ sư đáp ứng được yêu cầu của Công Ty.

- Trong công tác quản lý đất đai đã hoàn thành các thủ tục thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 2.207ha Công Ty đang quản lý, sử dụng, trong đó phần lớn là diện tích đất trồng cây cao su.

- Là phòng có chức năng quản lý các lĩnh vực: Kinh doanh, tiếp thị, phát triển chiến lược, quản lý kỹ thuật sản xuất, đầu tư, xây dựng, quản lý đất đai, môi trường. Với khối lượng công việc rất lớn nhưng năm qua cán bộ, kỹ sư của Phòng đã có nhiều nỗ lực, cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ.

9.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Về chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc cần lưu ý một số vấn đề sau :

+ Công tác quản lý, chỉ đạo kỹ thuật cao su, cán bộ chuyên quản cần có sự thống nhất chung cho cả 02 Nông trường sau khi được Lãnh đạo chấp thuận và có báo cáo kiểm tra, giám sát với Trưởng phòng.

+ Trên cơ sở qui định kiểm tra kỹ thuật của ngành và điểm lỗi kỹ thuật của công nhân cao su, Phòng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Mục tiêu chất lượng hàng năm và điểm lỗi kỹ thuật bình quân cho phù hợp với thực tế đối tại các Nông trường.

+ Thường xuyên liên hệ với Ban kỹ thuật của Tập đoàn CSCN Việt Nam và các bộ môn thuộc Viện Nghiên cứu cao su để có những thông tin mới, tiếp cận kịp thời các ứng dụng tiên bộ khoa học-kỹ thuật của ngành trong lĩnh vực cao su.

+ Theo dõi, phân tích thị trường và báo cáo hàng ngày với Tổng Giám đốc về giá cả cao su, nông sản. Thực hiện tốt chức năng tham mưu trong việc đàm phán, ký kết các HĐKT nội, ngoại thương, đảm bảo nội dung hợp đồng chặt chẽ, bảo vệ quyền lợi chính đáng của Công Ty và phù hợp với luật định.

- Phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính kiểm tra an toàn lao động và vệ sinh môi trường hàng tháng.

- Là Phòng trung tâm trong hoạt động các Hệ thống quản lý của Công Ty đang áp dụng nên cần có sự phân công cho các cán bộ chuyên môn, quản lý các lĩnh vực trong áp dụng để kiểm tra tất cả các tài liệu liên quan (Qui trình, qui định, biểu mẫu, để có sự cải tiến, chỉnh sửa, thay đổi cho phù hợp với yêu cầu thực tế để công tác đánh giá nội bộ trên cơ sở tiếp cận qui trình một cách hiệu quả, thiết thực.

10. PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN :

10.1. Những công việc đã thực hiện :

- Thực hiện tốt vai trò của mình trong công tác tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, tài chính và hoạch định các kế hoạch liên quan đến tài chính;
- Kiểm soát tốt dòng tiền;
- Tham gia tích cực trong việc xây dựng các quy chế, tài liệu liên quan đến quản trị công ty;
- Thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kịp thời và đúng hạn;
- Hoàn thành tốt các nghĩa vụ về thuế , BHXH, BHYT;
- Thanh toán các chế độ cho người lao động nhanh, chính xác;
- Thực hành tốt việc tiết kiệm chống lãng phí trong SXKD, XDCCB;

10.2. Những việc chưa thực hiện :

- Cần đầu tư mạnh mẽ hơn trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên bình diện toàn công ty;
- Thường xuyên hơn trong việc đi giám sát các đơn vị trực thuộc trong việc triển khai thực hiện các chỉ đạo của cấp quản lý.

V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

+ Đối với hoạt động quản trị:

- Đã xây dựng và ban hành các quy chế liên quan đến việc quản trị công ty nhằm tạo nên một phong cách làm việc chuẩn mực và khoa học trong toàn công ty;

+ Đối với hoạt động sản xuất , kinh doanh : thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch SXKD; Quản lý tốt hơn sản phẩm so với năm 2011; Thực hiện tốt việc tiết kiệm chống lãng phí;

+ Đối với việc đào tạo và phát triển đội ngũ kế cận: Tạo mọi điều kiện cho lớp trẻ có đủ năng lực và đạo đức được học tập và tham gia vào các vị trí quản lý cơ sở để dần dần thay thế trong tương lai;

+ Về gia tăng giá trị tài sản của công ty : Không làm thất thoát vốn và tài sản. Bảo đảm dòng tiền được đưa vào hoạt động kinh doanh phải đem lại lợi nhuận và từ đó làm tăng giá trị tài sản của công ty;

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Nhìn chung : Tuỳ từng trách nhiệm được phân công của từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tương đối tốt vai trò, nhiệm vụ theo phân công. Tuy nhiên, cần áp dụng triệt để hơn quy chế phân quyền để đề cao trách nhiệm cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

→ Tài Chính :

- Giảm thiểu đến mức thấp nhất tình trạng nợ bán hàng dây dưa;

- Không đầu tư và những dự án kém hoặc không hiệu quả, không có tính khả thi do thiếu khảo sát mang tính khoa học về nguồn nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, khí hậu và chính sách pháp luật;
- Sử dụng đòn bẩy tài chính đúng thời điểm và có hiệu quả;
- Hạn chế đến mức thấp nhất các giao dịch và hoạt động SXKD kém hiệu quả có khả năng gây thất thoát vốn công ty;
- Sử dụng quỹ ĐTPT công ty để mua lại cổ phiếu quỹ đúng thời điểm nhằm bảo vệ giá trị tài sản của cổ đông;
- Châm dứt tình trạng đầu tư ra ngoài ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của công ty.

→ **Quản trị doanh nghiệp:**

+ Phân định rõ và quán triệt vai trò, nhiệm vụ của HĐQT, cổ đông và Ban điều hành để quá trình ra quyết định của mỗi cấp là khoa học, hiệu quả và phục vụ cho mục tiêu lâu phát triển lâu dài của công ty, không chông chéo, can thiệp quá sâu vào chức năng, nhiệm vụ của nhau. Việc phân định này sẽ được thể hiện rõ ràng hơn qua sửa đổi điều lệ, phân cấp phân quyền trong các quyết định đầu tư, nhân sự, tài chính...

+ Xây dựng hệ thống phân cấp, phân quyền trong quản trị, điều hành các hoạt động nhằm tăng tính trách nhiệm của cá nhân đồng thời phát huy được năng lực sáng tạo phục vụ tổ chức;

+ Tạo môi trường tốt để công tác kiểm tra giám sát đi vào thực chất, giúp cho chủ sở hữu, cho các cấp điều hành đi đúng con đường phát triển của công ty;

+ Tăng cường tính minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành;

→ **Nhân lực :**

+ Tận dụng vị thế mới sau tái cơ cấu để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ lãnh nghề thông qua tuyển dụng mới và sắp xếp lại.

+ Tìm kiếm cơ hội nhận hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp hoặc hỗ trợ đào tạo về kỹ thuật trồng mới, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su, nông sản từ Tập Đoàn Cao su hoặc Viện Nghiên Cứu Cao su Việt Nam để qua đó có thể nâng cao tay nghề và trình độ cán bộ kỹ thuật, đào tạo tốt hơn qua công việc thực tế.

+ Xây dựng chính sách đãi ngộ và môi trường làm việc theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp. Trong môi trường mới phát triển hơn về quy mô nhân sự và quy mô tài chính. Các chính sách nhân sự cần được xây dựng lại để đạt được mục tiêu khuyến khích trên phạm vi rộng, rõ ràng minh bạch và chuẩn mực

→ **Quản trị rủi ro:**

- Xác định rủi ro có khả năng gây thất thoát vốn của công ty là từ hoạt động đầu tư; Vì vậy, cần phải giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư thông qua tổ chức đấu thầu công khai hoặc lựa chọn phương pháp thuê tài chính;

- Lập dự phòng đối với các khoản nợ kinh doanh đã phát sinh;

- Thực hiện hợp đồng kỳ hạn khi có biến động thị trường xấu.

- Sẵn sàng hợp tác với các tổ chức tư vấn quản trị rủi ro có chuyên môn và kinh nghiệm cao.

→ **Công nghệ thông tin:**

- Áp dụng phương pháp quản lý hiện đại như sử dụng các phần mềm quản lý vườn cây, đất đai, nhân sự ...

- Đào tạo đội ngũ IT chuyên nghiệp;

- Trang bị phương tiện hiện đại phục vụ cho công tác quản lý bằng công nghệ thông tin.

→ **Mô hình tổ chức:**

Việc cơ cấu lại mô hình tổ chức sẽ được triển khai dựa trên những nguyên tắc sau:

- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và thể hiện đầy đủ trong các quy trình, quy chế công ty;
- Hoạt động tiếp thị, bán, phân phối sản phẩm là phân cấp theo chuyên môn và theo các địa bàn, nhưng hoạt động quản lý rủi ro, xử lý tác nghiệp được **tập trung hóa từng bước** phù hợp với trình độ quản lý và nhân sự thực tế. Cơ chế sẽ đạt được sự linh hoạt, nhanh nhạy trong kinh doanh nhưng lại tăng cường được quản lý rủi ro cho cả hệ thống.
- Sáp nhập các đơn vị trực thuộc sản xuất cùng ngành nghề và cùng địa bàn dân cư làm một nhằm tinh gọn bộ máy quản lý;
- Chuyên môn hoá công việc của phòng theo chức năng, nhiệm vụ được nêu trong quy chế phân quyền;
- Phân quyền cụ thể trong Ban Tổng giám đốc nhằm tăng cường trách nhiệm cá nhân khi tác nghiệp.

→ **Về sản xuất – kinh doanh :**

- Tập trung vào việc cải tạo và nâng cao năng suất, chất lượng vườn cây cao su hiện có;
- Chỉ phát triển tăng diện tích cao su khi có tính khả thi cao đối với dự án đầu tư trên cơ sở thẩm định tỷ mỉ và khảo sát thực tế; Việc đầu tư phải được minh bạch và công khai về tiến trình đầu tư;
- Nghiên cứu việc phát triển trồng cây ca cao xen canh nhưng phải ưu tiên bảo đảm không ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và quy trình phát triển của vườn cây cao su;
- Thực hiện triệt để việc tiết kiệm chi phí nhằm từng bước ổn định giá thành ;
- Quan tâm cao đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động nhằm tạo được mối gắn kết bền chặt giữa người lao động và người sử dụng lao động;

VI. Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. *Hội đồng quản trị*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Phân loại	Tỷ lệ sở hữu CP
01	Lê Văn Lợi	Chủ tịch HĐQT	TVĐH	30%(ĐD SHNN)
02	Nguyễn Hữu Mạnh Nhưông	P.Chủ Tịch HĐQT	TVĐH	21%(ĐD SHNN)
03	Lê Cao Thương	UV HĐQT	TVĐH	0,0010%
04	Đỗ Khắc Tùng	UV HĐQT	TVĐL	3,11%
05	Nguyễn Văn Thoại	UV HĐQT	Cổ đông lớn	5,19%

Ghi chú:

→ TVĐL : Thành viên độc lập; TVĐH: Thành viên điều hành.

→ Ông Lê Văn Lợi có nắm giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công Ty Cổ Phần Xuất – Nhập khẩu Nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Baria- Serece) mà Công ty Cổ Phần Cao su Thống Nhất là cổ đông với tỷ lệ cổ phần là 12%. Tổng số thành viên HĐQT của Baria-Serece là 10(mười) thành viên.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

- Tiểu ban nhân sự và tiền lương : Ông Đỗ Khắc Tùng làm Trưởng Tiểu Ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

c.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Lê Văn Lợi	Chủ tịch	05	100%	
02	Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	P. Chủ tịch	05	100%	
03	Nguyễn Văn Thoại	Thành viên	05	100%	
04	Đỗ Khắc Tùng	Thành viên	05	100%	
05	Lê Cao Thương	Thành viên	03	60%	Mỏ cột sống

c.2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2012):

Stt	Số NQ, QĐ	Ngày	Nội dung
01	01	28/03/2012	Phân phối lợi nhuận năm 2011
	02	28/03/2012	Triển khai kế hoạch SXKD 2012
	03	28/03/2012	Giao chỉ tiêu đầu tư 2012
	04	28/03/2012	Xử lý các khoản nợ
	05	28/03/2012	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2012 theo NQĐHĐCĐ TN
	06	28/03/2012	Thực hiện phương án gia công cưa xẻ gỗ cao su thanh lý 2012
	07	28/03/2012	Thực hiện việc chia cổ tức 2011
	08	28/03/2012	Điều khoản thi hành.
02	01	03/04/2012	Xử lý cây cao su gãy đổ sau bão số 01
	02	03/04/2012	Chấp thuận mức giá bán cây gãy , đổ do bão số 01 gây ra.
03	01	26/06/2012	Chấp thuận báo cáo cây cao su gãy đổ và điều chỉnh giảm sản lượng khai thác mủ cao su NTCSHB2 ..;
	02	26/06/2012	Thông qua báo cáo hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm và phương án thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm;
	03	26/06/2012	Chấn chỉnh một số hoạt động trong công tác quản trị công ty; hữu cơ hoá phân bón vườn cây; và một số vấn đề khác.

04	1	18/09/2012	Phê chuẩn báo cáo ước thực hiện kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm 2012
	2	18/09/2012	Nhất trí về việc trình ĐHĐCĐTN 2013 xem xét điều chỉnh KHSXKD năm 2012
	3	18/09/2012	Một số vấn đề về quản trị công ty
	4	18/09/2012	Không phê chuẩn việc triển khai dự án trồng cao su tại EaHleo Tỉnh Đắk Lắk do không có tính khả thi về đất và các chi phí bất hợp lý.
	5	18/09/2012	Phê chuẩn việc thẩm định tình trạng vườn cây để có giải pháp cho năm 2013.
05	1	26/12/2012	Phê chuẩn báo cáo ước thực hiện kế hoạch SXKD năm 2012
	2	26/12/2012	Phê chuẩn việc trình ĐHĐCĐTN 2013 xem xét KHSXKD và ĐT năm 2013.
	3	26/12/2012	Phê chuẩn việc tạm thời chưa áp dụng Nghị quyết về việc sáp nhập XNCBNS Phước Hưng và Nhà Máy Thức Ăn Gia súc Hưng Long.
	4	26/12/2012	Phê chuẩn việc tạm tính đơn giá bán sản phẩm cao su để giao đơn giá lương 2013.
	5	26/12/2012	Đề cử bổ sung thành viên HĐQT là ông Nguyễn Nhật Thành Lâm và cử ông Đỗ Khắc Tùng là người phụ trách các vấn đề về tiền lương, nhân sự của HĐQT. Các vấn đề này sẽ được trình ĐHĐCĐTN 2013 xem xét quyết định.
	6	26/12/2012	Giao cho ông Nguyễn Hữn Mạnh Nhường nghiên cứu sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cho phù hợp với các quy định hiện hành để trình ĐHĐCĐTN 2013 phê chuẩn.
	7	26/12/2012	Phê chuẩn kế hoạch tiền vốn 2013
	8	26/12/2012	Phê chuẩn việc thanh lý trồng tái canh cây cao su năm 2013 theo phương án g/c của xã gỏ thành phẩm.

d) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT

e) Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban nhân sự và tiền lương đã tham gia vào việc soạn thảo quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động trong công ty..

f) Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập : Tham gia giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

g) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi học	Đã có chứng chỉ	Lý do không tham dự
01	Lê Văn Lợi	Chủ tịch	01	1	
02	Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	P. Chủ tịch	01	1	
03	Nguyễn Văn Thoại	Thành viên	01	1	
04	Đỗ Khắc Tùng	Thành viên	01	1	
05	Lê Cao Thương	Thành viên	01	1	

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP
01	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng Ban KS	0,0005%
02	Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành Viên BKS	0,0025%
03	Nguyễn Nhật Thành Lâm	TVBKS (đã từ nhiệm)	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

- Phiên họp ngày 24/3/2012 : Nội dung : Lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2011 trình ĐHĐCĐTN 2012 xem xét; Triển khai 07 Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 27/12/2011 để các thành viên BKS nắm;

- Phiên họp ngày 02/7/2012 : Thông qua báo cáo một số hoạt động của Ban Kiểm soát trong 06 tháng đầu năm 2012; Chương trình hoạt động của Ban Kiểm soát trong 06 tháng cuối năm 2012. Triển khai 04 Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 26/6/2012 cho các thành viên nắm;

Phiên họp ngày 20/12/2012: Xem xét đơn từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của ông Nguyễn Nhật Thành Lâm.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Phụ cấp
01	Lê Văn Lợi	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	1.138.407.019	103.000.000
02	Lê Như Sinh	Phó Tổng Giám đốc	566.117.852	
03	Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	P.Chủ Tịch HĐQTkiêm PTGD và KTT	877.450.542	103.000.000

04	Lê Cao Thương	UV HĐQT kiêm TGD, TPKT	675.496.142	77.000.000
05	Đỗ Khắc Tùng	UV HĐQT	79.520.000	77.000.000
06	Nguyễn Văn Thoại	UV HĐQT	79.520.000	77.000.000
07	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng Ban KS kiêm GĐNTPP	241.148.000	77.000.000
08	Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành Viên BKS	137.735.555	34.000.000
09	Nguyễn Nhật Thành Lâm	Thành Viên BKS (đã từ nhiệm)	264.460.760	52.000.000
10	Trần Văn Thành	Trưởng Phòng TCHC	308.440.527	
11	Lê Thị Kim Chi	Phó phòng TCHC	244.428.354	
12	Châu Thanh Danh	Phó Phòng KTKTĐT	265.585.984	
13	Phan Đức Vinh	GĐ XNCBNS Phước Hưng	237.767.106	
14	Bùi Thị Nghị	Quản đốc NMTAGS Hưng Long	149.460.069	
15	Vương Quang Khải	GĐNTCS HB2	173.661.631	
16	La Văn Phước	Phụ trách NMCBCSPP	110.300.508	
17	Vũ Ngọc Thịnh	QĐ NMCBCS Bàu Non	169.562.549	
18	Phan Văn Tiến	GĐXNCB Gổ Phước Trung	131.307.693	
	Tổng cộng		5.832.370.291	600.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Đỗ Khắc Tùng	UV HĐQT	636.500	3,3%	600.000	3,1%	Bán 36.500cp
02	Châu Thị Hồng Điệp	Vợ Chủ tịch HĐQT	218.200	1,13%	200.000	1,04%	Mua 3.000,cp; Bán 21.200,cp

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch lũy kế đến 31/12/2012 (VNĐ)
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn (chiếm 5,19% vốn điều lệ)	Bán cây cao su gãy đổ; Củi cao su; Dây chuyên chế biến gỗ	14.811.117.000,
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn (chiếm 5,19% vốn điều lệ)	Thuê cưa cắt, móc gốc, bóc xẻp, vận chuyển & gia công cưa xẻ, ngâm tẩm, sấy gỗ cao su	2.845.179.000,
Cơ sở Phân bón Hữu cơ Long Khánh	Chủ cơ sở là Thành viên HĐQT	Mua phân vi sinh Omix	1.450.260.000,
Công ty TNHH Lê Danh	Giám đốc là vợ CT, HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	Mua dầu DO & xây dựng công trình	2.177.719.500,
Nguyễn Văn Thoại	Thành viên HĐQT	Cho thuê xe	960.000.000,

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VII. Báo cáo tài chính (Kèm phụ lục : BCTC đã kiểm toán)

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



Lê Văn Lợi

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-27

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Công ty

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ.UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ nhất ngày 29 tháng 9 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2;
- Nông trường cao su Phong Phú;
- Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú;
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng;
- Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long;
- Xí nghiệp xây dựng và chế biến gỗ Phước Trung;
- Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non.

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su, nông sản, thức ăn gia súc và các sản phẩm từ gỗ.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Lợi	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Phó chủ tịch
Ông Lê Cao Thương	Thành viên
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thoại	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Lợi
Ông Lê Như Sinh
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường
Ông Lê Cao Thương

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. **Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông LÊ VĂN LỢI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Rịa, ngày 18 tháng 3 năm 2013

Số : TNRUB/009.12

BÁO CÁO KIỂM TOÁNvề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm : Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (gọi tắt là "Công ty"), được trình bày từ trang 5 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Kết luận

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0428/KTV

TRẦN THỊ MAI HƯƠNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0417/KTV

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		251.745.904.935	210.289.619.336
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	197.671.943.817	140.095.879.963
Tiền	111		27.595.505.461	24.219.441.607
Các khoản tương đương tiền	112		170.076.438.356	115.876.438.356
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130	4.2	10.363.414.167	10.833.932.250
Phải thu khách hàng	131		14.393.049.862	12.060.111.192
Trả trước cho người bán	132		1.382.390.593	1.967.264.993
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		954.872.711	1.489.361.065
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.366.898.999)	(4.682.805.000)
Hàng tồn kho	140	4.3	33.963.480.374	49.699.001.507
Hàng tồn kho	141		33.963.480.374	49.699.001.507
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.747.066.577	9.660.805.616
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	285.961.758
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.4	9.130.658.779	8.741.266.060
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.5	616.407.798	633.577.798

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		128.120.681.433	133.319.515.974
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		99.372.738.527	104.473.487.491
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	63.509.402.815	77.121.273.117
Nguyên giá	222		125.988.142.059	136.793.174.869
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.478.739.244)	(59.671.901.752)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.7	35.863.335.712	27.352.214.374
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		26.811.175.704	26.811.175.704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	4.8	26.811.175.704	26.811.175.704
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.936.767.202	2.034.852.779
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	1.436.767.202	2.034.852.779
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.10	500.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		379.866.586.368	343.609.135.310

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		50.198.003.194	35.117.911.672
Nợ ngắn hạn	310		48.198.003.194	34.509.566.265
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.11	247.426.902	247.426.902
Phải trả cho người bán	312	4.12	3.077.907.072	1.821.734.892
Người mua trả tiền trước	313	4.12	12.602.600.000	1.869.080.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.4	1.056.545.815	-
Phải trả công nhân viên	315		15.762.013.359	16.875.866.557
Chi phí phải trả	316	4.13	10.306.734.004	9.142.951.254
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.14	2.332.868.365	2.753.887.380
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.15	2.811.907.677	1.798.619.280
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		2.000.000.000	608.345.407
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	4.16	2.000.000.000	608.345.407
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		329.668.583.174	308.491.223.638
Vốn chủ sở hữu	410	4.17	329.668.583.174	308.491.223.638
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192.500.000.000	192.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		49.492.432.100	34.062.793.529
Quỹ dự phòng tài chính	418		9.531.062.057	6.465.933.208
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		78.145.089.017	75.462.496.901
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		379.866.586.368	343.609.135.310

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		42.699.775	31.894.775
Ngoại tệ các loại			
- USD	4,1	2.505,98	2.503,40

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯ
Kế toán trưởng



LÊ VĂN LỢI
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 18 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		191.088.339.411	144.665.812.472
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	191.088.339.411	144.665.812.472
Giá vốn hàng bán	11	5.2	136.046.681.531	74.166.456.802
Lợi nhuận gộp	20		55.041.657.880	70.499.355.670
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	19.743.667.760	18.334.940.790
Chi phí tài chính	22		172.130.453	2.686.763.000
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	5.4	249.485.773	192.950.559
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	12.060.130.735	12.538.348.857
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		62.303.578.679	73.416.234.044
Thu nhập khác	31	5.6	30.385.531.425	17.263.233.038
Chi phí khác	32	5.7	13.260.773.037	8.276.031.120
Lợi nhuận khác	40		17.124.758.388	8.987.201.918
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		79.428.337.067	82.403.435.962
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	9.605.590.985	10.351.478.117
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.8	(500.000.000)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		70.322.746.082	72.051.957.845
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	3.653	3.743

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHỜỜNG
Kế toán trưởng



LÊ VĂN LỢI
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 18 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	79.428.337.067	82.403.435.962
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.208.220.090	8.651.938.049
Các khoản dự phòng	03	1.694.898.999	2.336.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(35.019.021.046)	(25.244.771.600)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	54.312.435.110	68.146.602.411
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(926.249.158)	21.317.023.145
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	15.735.521.133	(29.327.989.512)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	11.978.678.932	(3.575.338.785)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	598.085.577	1.988.714.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.954.117.011)	(15.254.502.456)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.000.000	616.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(9.600.682.689)	(5.953.306.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	64.148.671.894	37.957.203.349
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.151.246.785)	(11.431.091.309)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	24.287.713.485	11.345.299.454
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	40.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.743.667.760	19.409.872.152
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	31.880.134.460	59.324.080.297
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(38.452.742.500)	(28.841.734.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.452.742.500)	(28.841.734.500)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ	50	57.576.063.854	68.439.549.146
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	140.095.879.963	71.656.330.817
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	197.671.943.817	140.095.879.963



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng



NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯÔNG
Kế toán trưởng



LÊ VĂN LỢI
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 18 tháng 3 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ.UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ nhất ngày 29 tháng 9 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2;
- Nông trường cao su Phong Phú;
- Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú;
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng;
- Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long;
- Xí nghiệp xây dựng và chế biến gỗ Phước Trung;
- Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non.

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su, nông sản, thức ăn gia súc và các sản phẩm từ gỗ.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, số lượng công nhân viên của Công ty là 629 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 661 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.



3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7,5 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 5 năm

3.6 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính như sau :

Vườn cây cao su	5 - 25 năm
-----------------	------------

3.7 Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

3.8 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.10 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty cho đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2008. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí căn cứ theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2012 của Hội đồng Quản trị Công ty.

3.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Riêng đối với Nông trường Hòa Bình 2, Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non, Nông trường Phong Phú và Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú thực hiện tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc), Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm (năm 2006, 2007 và năm 2008) và giảm 50% trong 8 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2016).

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.292.452.459	2.275.969.489
Tiền gửi ngân hàng - VND	26.254.180.105	21.894.653.008
Tiền gửi ngân hàng - USD	48.872.897	48.819.110
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND	170.076.438.356	115.876.438.356
	<u>197.671.943.817</u>	<u>140.095.879.963</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là 2.505,98 USD tương đương với 48.872.897 VND.

Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng bằng VND tại các ngân hàng với lãi suất hiện tại là 8,00%/năm.

4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

		31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	(a)	14.393.049.862	12.060.111.192
Ứng trước cho nhà cung cấp - Bên thứ ba	(b)	1.382.390.593	1.967.264.993
Phải thu khác		954.872.711	1.489.361.065
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(c)	(6.366.898.999)	(4.682.805.000)
		<u>10.363.414.167</u>	<u>10.833.932.250</u>

(a) Trong đó bao gồm : 4.219.180.549 VND là khoản phải thu từ Doanh nghiệp tư nhân ("DNTN") Phát Hưng phát sinh từ năm 2006 và 1.049.898.450 VND là khoản phải thu từ Công ty TNHH An Thịnh, đây là các khoản nợ khó đòi đã được lập dự phòng khó đòi.

(b) Trong đó bao gồm 1.117.820.000 VND là khoản trả trước cho DNTN Phát Hưng từ năm 2006 và đã được lập dự phòng.

(c) Tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	4.682.805.000	2.346.805.000
Trích lập trong năm	1.694.898.999	2.336.000.000
Giảm dự phòng trong năm (xóa nợ)	(10.805.000)	-
Số dư cuối năm	<u>6.366.898.999</u>	<u>4.682.805.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.3 Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên vật liệu	3.027.652.161	4.895.322.852
Công cụ dụng cụ	554.069.888	493.020.261
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	70.359.152
Thành phẩm	30.379.528.325	44.238.069.242
Hàng hóa	2.230.000	2.230.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	33.963.480.374	49.699.001.507
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	33.963.480.374	49.699.001.507

4.4 Thuế

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp (nộp thừa)	-	1.309.320.471
Thuế thu nhập cá nhân (nộp thừa)	174.035.325	36.253.101
Tiền thuê đất (tạm nộp) (*)	8.948.185.114	7.305.743.628
Thuế tài nguyên (nộp thừa)	8.438.340	11.812.860
Phí bảo vệ môi trường (nộp thừa)	-	78.136.000
	9.130.658.779	8.741.266.060

(*) : Đây là tiền thuê đất tạm nộp từ năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 đối với 2.082 ha đất nông nghiệp dựa trên đơn giá cho thuê đất tạm tính theo quy định của Nhà Nước do hiện nay Công ty vẫn chưa có đủ các hợp đồng thuê đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	792.528.312	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	264.017.503	-
	1.056.545.815	-

4.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng nhân viên	131.407.798	153.577.798
Ký quỹ thuê xe	480.000.000	480.000.000
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	5.000.000	-
	616.407.798	633.577.798

33767-6
 H NHÀN
 G TY T
 M TỎA
 B D O
 . RỒ CHỈ M
 P. HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Vườn cây cao su VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2012	37.303.779.887	20.860.546.662	3.806.292.957	1.477.937.790	73.344.617.573	136.793.174.869
Tăng do mua sắm	-	57.500.000	51.000.000	140.298.910	-	248.798.910
Tăng từ XDCB	1.122.908.026	-	-	-	2.268.418.511	3.391.326.537
Thanh lý	-	(837.209.524)	-	-	(13.607.948.733)	(14.445.158.257)
Phân loại lại	(1.199.276.429)	1.182.896.429	16.380.000	-	-	-
Số dư 31/12/2012	37.227.411.484	21.263.733.567	3.873.672.957	1.618.236.700	62.005.087.351	125.988.142.059

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư 01/01/2012	21.210.955.914	7.340.239.753	3.242.122.392	1.367.986.296	26.510.597.397	59.671.901.752
Khấu hao	2.843.626.399	2.430.743.496	209.144.459	57.065.413	2.699.055.783	8.239.635.550
Thanh lý	-	(421.124.143)	-	-	(5.011.673.915)	(5.432.798.058)
Phân loại lại	-	(9.254.700)	9.254.700	-	-	-
Số dư 31/12/2012	24.054.582.313	9.340.604.406	3.460.521.551	1.425.051.709	24.197.979.265	62.478.739.244

Giá trị còn lại

Ngày 01/01/2012	16.092.823.973	13.520.306.909	564.170.565	109.951.494	46.834.020.176	77.121.273.117
Ngày 31/12/2012	13.172.829.171	11.923.129.161	413.151.406	193.184.991	37.807.108.086	63.509.402.815

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 18.359.500.815 VND (năm 2011 là 11.930.939.746 VND).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị còn lại của tài sản cố định chờ thanh lý tại Nhà máy Bàu Non là 219.817.423 VND.

Trong tài sản cố định hữu hình bao gồm nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định được hình thành từ quỹ phúc lợi lần lượt là 309.851.108 VND, 209.430.427 VND và 100.420.681 VND.

Trong năm, Công ty đã tiến hành thanh lý vườn cây cao su để trồng mới tại Nông trường cao su Hòa Bình 2 và Nông trường cao su Phong Phú, chi tiết như sau :

Nông trường	Số lượng cây	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
- Hòa Bình 2	55.287	13.388.410.298	4.956.537.038	8.431.873.260
- Phong Phú	1.371	219.538.435	55.136.877	164.401.558
	56.658	13.607.948.733	5.011.673.915	8.596.274.818

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2012	Tăng	Kết chuyển TSCĐ	Kết chuyển chi phí	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND	VND
Vườn cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	20.053.665.768	9.114.450.365	(2.268.418.511)	(57.825.000)	26.841.872.622
Vườn cây cao su tại Nông trường Phong Phú	7.150.543.412	1.870.919.678	-	-	9.021.463.090
Chi phí xây dựng cơ bản khác	148.005.194	1.122.908.026	(1.122.908.026)	(148.005.194)	-
	27.352.214.374	12.108.278.069	(3.391.326.537)	(205.830.194)	35.863.335.712

4.8 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty Baria Serece	26.811.175.704	26.811.175.704

Khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Baria Serece là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của công ty này.

4.9 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí phát sinh từ liên doanh Bà Rịa Secere	-	172.130.453
Chi phí đo đạc đất nông trường	621.617.181	1.243.234.362
Chi phí công cụ dụng cụ	815.150.021	430.324.324
Chi phí khác	-	189.163.640
	1.436.767.202	2.034.852.779

4.10 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ (dự phòng trợ cấp thôi việc)	500.000.000	-

4.11 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công nợ thâm canh cà phê	247.426.902	247.426.902

Đây là khoản công nợ thâm canh cà phê nhận bàn giao từ Công ty Cà phê Đồng Nai vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 phải trả cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.12 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải trả cho người bán – bên thứ ba	3.077.907.072	1.821.734.892
Người mua trả trước – bên thứ ba (*)	12.602.600.000	1.869.080.000
	15.680.507.072	3.690.814.892

(*) : Trong đó bao gồm 11.970.000.000 VND là khoản ứng trước tiền để mua mủ cao su thiên nhiên theo hợp đồng số 33/2005/QG11 ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Công ty Liên Anh; Và theo hợp đồng, lô hàng này được giao trong tháng 2 năm 2013.

4.13 Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí ăn giữa ca	236.742.000	215.388.000
Chi phí thuê đất (*)	10.009.992.004	8.867.563.254
Chi phí khác	60.000.000	60.000.000
	10.306.734.004	9.142.951.254

(*) : Đây là khoản tiền thuê đất ước tính phải trả cho Nhà nước đối với đất nông nghiệp thuê với diện tích ước tính khoảng 2.082 ha trên cơ sở đơn giá cho thuê đất theo quy định từ khi chuyển sang công ty cổ phần, do hiện nay Công ty vẫn chưa có đủ các hợp đồng thuê đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4.14 Phải trả khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Bảo hiểm xã hội phải nộp khi nhận bàn giao nông trường Hòa Bình 2	-	657.639.658
Cổ tức phải trả	1.102.918.268	1.055.660.768
Nhà thầu xây dựng kỹ quỹ bảo lãnh	374.130.959	639.806.365
Phải trả khác	855.819.138	400.780.589
	2.332.868.365	2.753.887.380

4.15 Quỹ khen thưởng phúc lợi (KTPL)

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	1.798.619.280	56.234.811
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	9.195.386.546	6.798.020.468
Tặng khác (xem thuyết minh 4.17)	950.000.000	198.999.411
Sử dụng quỹ trong năm	(9.132.098.149)	(5.254.635.410)
Số dư cuối năm	2.811.907.677	1.798.619.280

4.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	608.345.407	736.885.035
Trích lập dự phòng trong năm	2.162.468.108	678.423.882
Thu từ Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	199.385.000	-
Sử dụng trong năm	(970.198.515)	(806.963.510)
Số dư cuối năm	2.000.000.000	608.345.407

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.17 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước					
Số dư 01/01/2011	192.500.000.000	22.981.033.976	4.199.926.385	52.681.325.900	272.362.286.261
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	72.051.957.845	72.051.957.845
Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính	-	11.081.759.553	2.266.006.823	(13.347.766.376)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.798.020.468)	(6.798.020.468)
Chia cổ tức	-	-	-	(28.875.000.000)	(28.875.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Số dư 31/12/2011	192.500.000.000	34.062.793.529	6.465.933.208	75.462.496.901	308.491.223.638
Năm nay					
Số dư 01/01/2012	192.500.000.000	34.062.793.529	6.465.933.208	75.462.496.901	308.491.223.638
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	70.322.746.082	70.322.746.082
Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính	-	16.379.638.571	3.065.128.849	(19.444.767.420)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	(950.000.000)	-	(9.195.386.546)	(10.145.386.546)
Chia cổ tức	-	-	-	(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư 31/12/2012	192.500.000.000	49.492.432.100	9.531.062.057	78.145.089.017	329.668.583.174

Trong năm 2012, các quỹ Đầu tư phát triển, Dự phòng tài chính và Khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 vào ngày 28 tháng 3 năm 2012.

Trong năm 2012, quỹ đầu tư phát triển giảm 950 triệu là do sử dụng để trích quỹ khen thưởng Ban điều hành theo Quyết định số 2755/QĐUBND ngày 5 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	2012 VND	2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	192.500.000.000	192.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	192.500.000.000	192.500.000.000
Chia cổ tức trong năm	38.500.000.000	28.875.000.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 vào ngày 28 tháng 3 năm 2012, cổ tức năm 2011 được chia theo tỷ lệ 20% (2010 : 15%).

Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP
- Cổ phiếu ưu đãi : không có		

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán mũ cao su	133.186.329.344	106.450.263.430
Doanh thu bán nhân điều, điều thô	11.940.412.390	19.811.000
Doanh thu bán thức ăn gia súc	22.410.792.127	19.320.908.491
Doanh thu sản xuất và gia công đồ gỗ	11.763.908.000	5.052.026.648
Doanh thu khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	11.786.897.550	13.822.802.903
	191.088.339.411	144.665.812.472
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	191.088.339.411	144.665.812.472

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.2 Giá vốn hàng bán

Phân loại theo tính chất

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn bán mũ cao su	77.853.819.630	37.712.551.528
Giá vốn bán nhân điều, điều thô	11.642.914.521	37.888.292
Giá vốn thức ăn gia súc	22.483.281.087	18.609.105.325
Giá vốn sản xuất và gia công đồ gỗ	11.245.819.866	4.637.908.456
Giá vốn khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	12.820.846.427	13.169.003.201
	136.046.681.531	74.166.456.802

Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	46.648.163.084	31.119.043.443
Chi phí nhân công	48.273.281.786	53.803.879.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.805.135.855	7.336.741.544
Chi phí dụng cụ sản xuất	1.223.162.860	2.932.242.058
Chi phí gia công	5.085.952.236	-
Chi phí khác	13.082.085.641	7.213.589.998
Chênh lệch sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ	70.359.152	(44.102.356)
Chênh lệch thành phẩm đầu kỳ và cuối kỳ	13.858.540.917	(28.194.937.028)
	136.046.681.531	74.166.456.802

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	16.231.864.484	14.820.623.040
Lãi bán hàng trả chậm	-	827.554.750
Cổ tức được chia	3.511.803.276	2.686.763.000
	19.743.667.760	18.334.940.790

5.4 Chi phí bán hàng

	2012 VND	2011 VND
Chi phí bốc xếp	147.824.488	90.591.263
Chi phí vận chuyển	44.945.455	35.257.712
Chi phí khuyến mãi	11.200.000	50.737.584
Chi phí khác	45.515.830	16.364.000
	249.485.773	192.950.559

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.956.422.273	5.722.072.312
Vật liệu, dụng cụ thiết bị văn phòng	846.385.045	1.111.455.984
Chi phí khấu hao tài sản cố định	257.152.505	258.227.040
Thuế, phí và lệ phí	50.128.687	135.991.947
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.162.468.108	678.423.882
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.684.093.999	2.336.000.000
Chi phí quảng cáo	66.722.078	127.471.566
Chi phí tiếp khách	221.216.493	189.568.966
Chi phí điện thoại	53.067.609	76.886.745
Công tác phí	73.207.175	34.277.447
Chi phí thuê xe	1.153.558.982	1.166.442.508
Chi phí khác	535.707.781	701.530.460
	12.060.130.735	12.538.348.857

5.6 Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Thu thanh lý cây cao su	26.638.587.940	14.465.054.000
Thu thanh lý tài sản cố định	510.000.000	395.454.545
Thu từ bán phế liệu	2.209.344.560	-
Xử lý nợ phải trả	2.999.451	1.584.574.594
Thu khác	1.024.599.474	818.149.899
	30.385.531.425	17.263.233.038

5.7 Chi phí khác

	2012 VND	2011 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	9.012.360.199	3.596.391.034
Chi phí thanh lý tài sản	2.860.874.455	3.535.500.000
Chi phí khác	1.387.538.383	1.144.140.086
	13.260.773.037	8.276.031.120

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thu nhập) thuế hoãn lại	9.605.590.985 (500.000.000)	10.351.478.117 -
	9.105.590.985	10.351.478.117

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	79.428.337.067	82.403.435.962
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế khi xác định thu nhập chịu thuế:		
Khác biệt vĩnh viễn		
- Chi phí không được khấu trừ	857.047.321	3.650.071.301
Khác biệt tạm thời		
- Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.000.000.000	-
Thu nhập không chịu thuế	(3.511.803.276)	(3.354.320.443)
Lợi nhuận tính thuế	78.773.581.112	82.699.186.820
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi (25%x50%)	7.679.505.070	8.026.748.315
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất phổ thông (25%)	4.334.385.138	4.621.300.075
Giảm 30% thuế TNDN phải nộp	(2.408.299.223)	(2.463.459.634)
Chi phí thuế TNDN được tính trên lợi nhuận tính thuế của năm hiện hành	9.605.590.985	10.184.588.756
Thuế TNDN bổ sung theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2010	-	166.889.361
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.605.590.985	10.351.478.117

Trong năm 2012 và 2011, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp do đáp ứng điều kiện doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực lâm nghiệp, nông sản theo các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính (năm 2012: số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 và năm 2011: 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011).

(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	2012 VND	2011 VND
Tái sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ (dự phòng trợ cấp thôi việc)	(500.000.000)	-

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2012	2011
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	70.322.746.082	72.051.957.845
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000 CP	19.250.000 CP
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.653 VND/CP	3.743 VND/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: cao su, nông sản, thức ăn gia súc, gỗ

Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011

	Cao su		Nông sản		Thức ăn gia súc		Gỗ		Tổng	
	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011
Doanh thu bán cho bên ngoài	133.186	106.450	23.727	13.843	22.411	19.321	11.764	5.052	191.088	144.666
Giá vốn	(77.854)	(37.712)	(24.464)	(13.207)	(22.483)	(18.609)	(11.246)	(4.638)	(136.047)	(74.166)
Chi phí bán hàng	(45)	(21)	(22)	-	(182)	(172)	-	-	(249)	(193)
Kết quả bộ phận	55.287	68.717	(759)	636	(254)	540	518	403	54.792	70.307
Chi phí không phân bổ									(12.060)	(12.538)
Doanh thu tài chính									19.744	18.335
Chi phí tài chính									(172)	(2.687)
Lợi nhuận khác	17.124	8.987							17.124	8.987
Thuế TNDN									(9.105)	(10.352)
Lợi nhuận sau thuế	3.640	10.751	-	-	-	4.334	-	-	3.640	15.085
Chi phí mua sắm tài sản	6446	7.203	848	886	907	522	7	41	8.208	8.652

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011

	Cao su		Nông sản		Thức ăn gia súc		Gỗ		Tổng	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Tài sản bộ phận	360.454	319.811	4.704	5.323	10.044	13.567	4.664	4.908	379.867	343.609
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng tài sản	360.454	319.811	4.704	5.323	10.044	13.567	4.664	4.908	379.867	343.609
Nợ phải trả bộ phận	46.833	33.650	126	-	2.878	1.428	360	39	50.198	35.117
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng nợ phải trả	46.833	33.650	126	-	2.878	1.428	360	39	50.198	35.117

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không được lập do Công ty hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Công ty có các tài sản tài chính như : các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính : Triệu VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	197.671	140.096	197.671	140.096
Phải thu khách hàng	9.124	9.003	9.124	9.003
Phải thu khác	940	956	940	956
Đầu tư dài hạn	26.811	26.811	26.811	26.811
	234.546	176.866	234.546	176.866
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	3.078	1.822	3.078	1.822
Các khoản phải trả khác	11.537	10.841	11.537	10.841
	14.615	12.663	14.615	12.663

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng.

- Rủi ro thị trường : Rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và khi lãi suất giảm làm thu nhập tài chính của Công ty giảm.
- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên :

Phải thu khách hàng : Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Tiền gửi ngân hàng : Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các tài khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thủ lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau :

	2012 VND	2011 VND
Lương, thưởng và phụ cấp	<u>4.253.695.110</u>	<u>3.583.184.164</u>

Chce

nhuu



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 18 tháng 3 năm 2013